

**Phụ lục V/ Appendix V**  
**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY**  
**REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng  
Bộ Tài chính/ Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA**  
**THANH THANH CONG - BIEN HOA JOINT**  
**STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

Số/ No. : 13 /2023/BC-TTC-BH

Tây Ninh, ngày 30 tháng 01 năm 2023.  
Tay Ninh, 30 January 2023

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY**  
**REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**

(6 tháng/ 6 months)

Kính gửi/ To: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước/ The State Securities Commission;  
- Sở Giao dịch chứng khoán/ The Stock Exchange.

- Tên công ty/Name of company: **CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA/ THANH THANH CONG – BIEN HOA JOINT STOCK COMPANY.**
- Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice: Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh/ Tan Hung Commune, Tan Chau District, Tay Ninh Province.
- Điện thoại/Telephone: (0276) 3753250 Fax: (0276) 3839834 Email: [ttcs@ttcsugar.com.vn](mailto:ttcs@ttcsugar.com.vn)
- Vốn điều lệ/Charter capital: 6.947.998.960.000 đồng – Sáu nghìn chín trăm bốn mươi bảy tỷ chín trăm chín mươi tám triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng/ VND 6.947.998.960.000 - Six thousand nine hundred and forty-seven billion nine hundred ninety-eight million nine hundred and sixty thousand Vietnam dong.
- Mã chứng khoán/Stock symbol: SBT
- Mô hình quản trị công ty/ Governance model: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và có Ủy ban kiểm toán thuộc Hội đồng quản trị/ General Meeting of Shareholders, Board of Directors, CEO, Director and Audit Committee under the Board of Directors.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ/ The implementation of internal audit: Đã thực hiện/ Implemented.

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/ Activities of the General Meeting of Shareholders:**

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/ Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):

| Stt<br>No. | Số Nghị quyết/Quyết định<br>Resolution/Decision No. | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                                                                  |
|------------|-----------------------------------------------------|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.         | 01/2022/BBKP-ĐHĐCĐ                                  | 25/08/2022   | Thảo luận hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản/<br>Approved by shareholders in the form of collecting written opinions.                                                                                                                                         |
| 2.         | 02/2022/NQ-ĐHĐCĐ                                    | 25/08/2022   | Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức niên độ 2020-2021 bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản/ To approve on share issuance for dividend payment in the fiscal year of 2020-2021 by shareholders in the form of collecting written opinions. |



| Stt<br>No. | Số Nghị quyết/Quyết định<br><i>Resolution/Decision No.</i> | Ngày<br><i>Date</i> | Nội dung<br><i>Content</i>                                                                                                                                                                                                                                             |
|------------|------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3.         | 03/2022/BBH-ĐHĐCĐ/TTCBH                                    | 28/10/2022          | Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên niên độ 2021-2022/ <i>Minutes of the Annual General Meeting of Shareholders 2021-2022.</i>                                                                                                                               |
| 4.         | 04/2022/NQ-ĐHĐCĐ                                           | 28/10/2022          | Thông qua báo cáo hoạt động niên độ 2021-2022 và kế hoạch niên độ 2022-2023 của Hội đồng quản trị/ <i>Approval on the Board of Directors Reports for the fiscal year 2021-2022 and Action Plan for the fiscal year 2022-2023.</i>                                      |
| 5.         | 05/2022/NQ-ĐHĐCĐ                                           | 28/10/2022          | Thông qua báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh niên độ 2021-2022 và kế hoạch niên độ 2022-2023 của Ban Điều hành/ <i>Approval on the Board of Management Report on business operation for the 2021-2022 and Action Plans statement for the fiscal year 2022-2023.</i> |
| 6.         | 06/2022/NQ-ĐHĐCĐ                                           | 28/10/2022          | Thông qua báo cáo hoạt động niên độ 2021-2022 và kế hoạch niên độ 2022-2023 của Ủy ban Kiểm toán/ <i>Approval on the Audit Committee for year 2021-2022 and the Operation plan for the fiscal year 2022-2023.</i>                                                      |
| 7.         | 07/2022/NQ-ĐHĐCĐ                                           | 28/10/2022          | Thông qua báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ 2021-2022 đã được kiểm toán/ <i>Approval of the separate audited financial statements and consolidated audited financial statements for the fiscal year 2021-2022.</i>                     |
| 8.         | 08/2022/NQ-ĐHĐCĐ                                           | 28/10/2022          | Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm tài chính 01/07/2021 - 30/06/2022/ <i>Approval on Profit distribution plan for fiscal year from 1st July 2021 to 30th June 2022.</i>                                                                                       |
| 9.         | 09/2022/NQ-ĐHĐCĐ                                           | 28/10/2022          | Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận niên độ 2022-2023/ <i>Approval on the business production plan and profit distribution for the FY 2022-2023.</i>                                                                                         |
| 10.        | 10/2022/NQ-ĐHĐCĐ                                           | 28/10/2022          | Thông qua chọn công ty kiểm toán độc lập kiểm toán các báo cáo tài chính trong niên độ 2022-2023/ <i>Approval on selecting independent auditing company for the FY 2022-2023.</i>                                                                                      |
| 11.        | 11/2022/NQ-ĐHĐCĐ                                           | 28/10/2022          | Thông qua thù lao của Hội đồng Quản trị niên độ 2022-2023/ <i>Approval on the remuneration of the BOD for the FY 2022-2023.</i>                                                                                                                                        |
| 12.        | 12/2022/NQ-ĐHĐCĐ                                           | 28/10/2022          | Thông qua việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động của Công ty/ <i>Approval on issuing share under employee share ownership plan.</i>                                                                                                         |
| 13.        | 13/2022/NQ-ĐHĐCĐ                                           | 28/10/2022          | Thông qua việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ/ <i>Approval on the private placement of common shares.</i>                                                                                                                                                                  |
| 14.        | 14/2022/NQ-ĐHĐCĐ                                           | 28/10/2022          | Thông qua việc nhận sáp nhập công ty con của Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa theo phương án tái cấu trúc vốn nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động của TTC-BH/ <i>Approval of the merger of subsidiaries of Tnanh</i>                                         |

| Stt<br>No. | Số Nghị quyết/Quyết định<br>Resolution/Decision No. | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|------------|-----------------------------------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                     |              | <i>Thanh Cong - Bien Hoa JSC in accordance with capital restructuring plan in order to optimize the operational efficiency of TTC-BH.</i>                                                                                                                                                                                                                             |
| 15.        | 15/2022/NQ-ĐHĐCĐ                                    | 28/10/2022   | Thông qua đơn từ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của ông Nguyễn Văn Đệ ngày 05/10/2022/ <i>Approval on Letter about Resignation from member of the BOD of Mr Nguyen Van De dated 05/10/2022.</i>                                                                                                                                                                   |
| 16.        | 16/2022/NQ-ĐHĐCĐ                                    | 28/10/2022   | Thông qua đơn từ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của bà Huang Lovia ngày 05/10/2022/ <i>Approval on Letter about Resignation from member of the BOD of Ms Huang Lovia dated 05/10/2022.</i>                                                                                                                                                                        |
| 17.        | 17/2022/NQ-ĐHĐCĐ                                    | 28/10/2022   | Thông qua việc bầu bổ sung Thành viên Hội đồng Quản trị/ <i>Approval of additional election of the Members of the BOD</i>                                                                                                                                                                                                                                             |
| 18.        | 18/2022/NQ-ĐHĐCĐ                                    | 28/10/2022   | Thông qua danh sách ứng cử viên Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị, Thành viên Hội đồng Quản trị và kết quả bầu thành viên Hội đồng Quản trị/ <i>Approval on the list of nominated candidates for member of the Board of Directors and result of electing members of the BOD.</i>                                                                                   |
| 19.        | 19/2022/NQ-ĐHĐCĐ                                    | 28/10/2022   | Thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng, thông qua việc niêm yết Trái Phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán/ <i>Approval of issuance plan, the plan of using and paying capital obtained from the Bond public offering: approving the Bond listing on the securities trading system.</i> |

## II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm)/ *Board of Directors (Semiannual report/annual report):*

### 1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/ *Information about the members of the Board of Directors (BOD):*

| Stt<br>No. | Thành viên HĐQT/ BOD'<br>members | Chức vụ/ Position (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành))<br>Independent members of the BOD, Non-executive members of the BOD)) | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập/ The date becoming/ceasing to be the member of the BOD |                                      |
|------------|----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|
|            |                                  |                                                                                                                                            | Ngày bổ nhiệm<br>Date of appointment                                                                           | Ngày miễn nhiệm<br>Date of dismissal |
| 1.         | Bà/ Ms. Huỳnh Bích Ngọc          | Chủ tịch HĐQT/ Chairwoman of the BOD                                                                                                       | 28/10/2019                                                                                                     |                                      |
| 2.         | Bà/ Ms. Đặng Huỳnh Ước My        | Phó Chủ tịch HĐQT/ Vice Chairlady of the BOD                                                                                               | 01/7/2016                                                                                                      |                                      |
| 3.         | Ông/ Mr. Hoàng Mạnh Tiến         | Thành viên độc lập HĐQT/<br>Independent member of the BOD                                                                                  | 01/07/2019                                                                                                     |                                      |

| Stt<br>No. | Thành viên HĐQT/ BOD'<br>members | Chức vụ/ Position (thành viên HĐQT<br>độc lập, TVHĐQT không điều hành))<br>Independent members of the BOD,<br>Non-executive members of the BOD)) | Ngày bắt đầu/không còn là<br>thành viên HĐQT/ HĐQT độc<br>lập/ The date becoming/ceasing<br>to be the member of the BOD |                                            |
|------------|----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
|            |                                  |                                                                                                                                                  | Ngày bổ nhiệm<br>Date of<br>appointment                                                                                 | Ngày miễn<br>nhiệm<br>Date of<br>dismissal |
| 4.         | Ông/ Mr. Võ Tòng Xuân            | Thành viên HĐQT/ Member of the<br>BOD                                                                                                            | 14/10/2019                                                                                                              |                                            |
| 5.         | Bà/ Ms. Võ Thúy Anh              | Thành viên độc lập HĐQT/<br>Independent member of the BOD                                                                                        | 09/09/2020                                                                                                              |                                            |
| 6.         | Ông/ Mr. Trần Tấn Việt           | Thành viên HĐQT/ Member of the<br>BOD                                                                                                            | 28/10/2022                                                                                                              |                                            |
| 7.         | Ông/ Mr. Trần Trọng Gia Vinh     | Thành viên độc lập HĐQT/<br>Independent member of the BOD                                                                                        | 28/10/2022                                                                                                              |                                            |
| 8.         | Ông/ Mr. Nguyễn Văn Đệ           | Thành viên HĐQT/ Member of the<br>BOD                                                                                                            | 20/10/2021                                                                                                              | 28/10/2022                                 |
| 9.         | Bà/ Ms. Huang Lovia              | Thành viên độc lập HĐQT/<br>Independent member of the BOD                                                                                        | 29/07/2021                                                                                                              | 28/10/2022                                 |

2. Các cuộc họp HĐQT/Meetings of the BOD:

| Stt<br>No. | Thành viên HĐQT/ BOD'<br>member | Số buổi họp HĐQT<br>tham dự/ Number of<br>meetings attended<br>by BOD | Tỷ lệ tham dự<br>họp/<br>Attendance rate | Lý do không tham dự<br>họp/Reasons for absence        |
|------------|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| 1.         | Bà/ Ms. Huỳnh Bích Ngọc         | 42/42                                                                 | 100%                                     |                                                       |
| 2.         | Bà/ Ms. Đặng Huỳnh Ước My       | 42/42                                                                 | 100%                                     |                                                       |
| 3.         | Ông/ Mr. Hoàng Mạnh Tiến        | 42/42                                                                 | 100%                                     |                                                       |
| 4.         | Ông/ Mr. Võ Tòng Xuân           | 40/42                                                                 | 95%                                      | Bận công tác khác / Other<br>businesses assigned      |
| 5.         | Bà/ Ms. Võ Thúy Anh             | 42/42                                                                 | 100%                                     |                                                       |
| 6.         | Ông/ Mr. Trần Tấn Việt          | 13/42                                                                 | 31%                                      | Bổ nhiệm từ ngày/<br>Appointment dated:<br>28/10/2022 |
| 7.         | Ông/ Mr. Trần Trọng Gia Vinh    | 13/42                                                                 | 31%                                      | Bổ nhiệm từ ngày/<br>Appointment dated:<br>28/10/2022 |
| 8.         | Bà/ Ms. Lovia Huang             | 29/42                                                                 | 69%                                      | Miễn nhiệm từ ngày/ Dismissal<br>dated: 05/10/2022    |

| Stt<br>No. | Thành viên HĐQT/ BOD'<br>member | Số buổi họp HĐQT<br>tham dự/ Number of<br>meetings attended<br>by BOD | Tỷ lệ tham dự<br>họp/<br>Attendance rate | Lý do không tham dự<br>họp/Reasons for absence     |
|------------|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| 9.         | Ông/ Mr. Nguyễn Văn Đệ          | 29/42                                                                 | 69%                                      | Miễn nhiệm từ ngày/ Dismissal<br>dated: 05/10/2022 |

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/Supervising the Board of Management by the BOD:

- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc của Công ty được thực hiện đúng theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc được thực hiện thông qua các hình thức: Tổ chức các cuộc họp do HĐQT chủ trì, tham gia các cuộc họp định kỳ do Ban Điều hành tổ chức, thông qua các báo cáo của Ban Giám đốc. HĐQT đã chỉ đạo và theo sát Ban Tổng giám đốc trong việc thực thi các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty/ Supervisory activities of the BOD for the BOM of the Company are carried out in accordance with the provisions of the Internal Regulations on Corporate Governance, the Operation Regulations of the Board of Directors. Supervision of the BOD over the BOM is carried out through the following activities: Organizing meetings chaired by the BOD, participating in periodic meetings held by the BOM, approving reports of the BOM. The Board of Directors directed and closely followed the BOM in implementing the Resolutions of the BOD and the General Meeting of Shareholders following the law and the Company's Charter.
- Thông qua hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc cho thấy/ Through the supervision activities of the BOD for the BOM, realize that:
  - Trong 6 tháng đầu niên độ 2022 – 2023, Tổng Giám đốc đã tổ chức điều hành hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty cũng như thực hiện đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định do HĐQT giao phó. Tổng Giám đốc đảm bảo việc cung cấp thông tin cũng như tạo điều kiện cho Ủy ban Kiểm toán tiếp cận, kiểm tra tình hình tài chính và các hoạt động khác của Công ty/ In the first 6 months of fiscal year 2022 – 2023, the CEO organized and managed the production and business activities of the Company in accordance with the duties in accordance with the law, the Company's Charter, and other regulations. Internal management of the Company as well as fully implement the Resolutions and Decisions assigned by the Board of Directors. The CEO ensures the provision of information as well as creates conditions for the Audit Committee to access and check the financial position and other activities of the Company.
  - Ban Giám đốc đã duy trì tốt lịch họp hàng tháng, quý để tổng kết, đánh giá để điều chỉnh các giải pháp quản lý và sản xuất một cách linh hoạt và đạt hiệu quả tích cực/ The BOM has well maintained the monthly and quarterly meeting schedule to summarize and evaluate to adjust the management and production solutions flexibly and achieve positive results.
- Với những kết quả đã đạt được về phát triển thị trường, doanh thu, lợi nhuận, quản lý tài chính cũng kết quả khắc phục tài chính, triển khai hoạt động kinh doanh trên cơ sở thực tế tình hình kinh tế vĩ mô, vi mô, biến động ngành nghề, đặt ra mục tiêu khai thác tối đa tiềm năng lợi thế của Công ty, duy trì nhịp độ tăng trưởng trong Quý 1 và Quý 2 và hơn hết chú trọng vào công tác giữ vững thị phần, đảm bảo an toàn nguồn vốn của các Nhà đầu tư và Cổ đông. HĐQT đánh giá cao công tác điều hành của Ban Điều hành trong 6 tháng đầu niên độ 2022 – 2023/ With the achieved results in market development, revenue, profit, financial management as well as the results of financial remediation, business implementation on the basis of the actual macroeconomic situation, micro, industry fluctuations, set the goal of exploiting the Company's potential and advantages to the fullest, maintaining the growth rate in the first and second quarters and above all focusing on maintaining market share, ensuring secure capital of investors and shareholders. The Board of Directors highly appreciates the management of the Board of Management in the first 6 months of the fiscal year 2022 - 2023.
- HĐQT đã giám sát Ban điều hành thực hiện việc hoàn thành, nộp và công bố thông tin đúng thời hạn các Báo cáo tài chính định kỳ và Báo cáo thường niên niên độ 2021-2022/ The Board of Directors supervised the completion, submission, and timely disclosure of the periodical financial statements and annual reports for the fiscal year 2021-2022.
- HĐQT đã giám sát việc Ban điều hành tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên niên độ 2021-2022 vào ngày 28/10/2022 theo đúng luật định/ Supervising the organization of Annual General Meeting of Shareholders for the fiscal year 2021-2022 in 28<sup>th</sup> October 2022 with the current laws.

- Trong 6 tháng đầu niên độ 2022-2023, HĐQT đã tổ chức 42 cuộc họp để thảo luận và thông qua nhiều vấn đề định hướng chiến lược của Công ty như: Sử dụng nguồn vốn huy động hiệu quả, các phương án vay vốn, phê duyệt các khoản mục đầu tư, các vấn đề cơ cấu nhân sự quản lý cấp cao thuộc thẩm quyền của HĐQT. Ngoài ra, HĐQT đã ban hành 57 văn bản gồm Nghị quyết và Quyết định liên quan đến nhiều vấn đề trọng yếu của Công ty, làm cơ sở và định hướng cho Ban Điều hành triển khai nhiệm vụ/ In the first 6 months of the fiscal year 2022-2023, the Board of Directors held 42 meetings to discuss and approve many strategic orientation issues of the Company such as: Using effectively the mobilized capital, loan options, approving investment items, senior management personnel structure issues under the authority of the Board of Directors. On the other hand, the Board of Directors issued 57 documents including Resolutions and Decisions related to many key issues of the Company, as the basis for orientation for the Board of Management to implement tasks.

4. Hoạt động của các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any):

- Ủy ban Chiến lược: Tham mưu cho HĐQT trong việc xây dựng, thực thi, đánh giá chiến lược phát triển 6 tháng đầu niên độ và định hướng chiến lược kinh doanh trong 6 tháng cuối niên độ 2023-2023 sắp tới; thực hiện giám sát và dẫn dắt trong việc triển khai các dự án chiến lược phát triển ở quy mô toàn cầu của Công ty, đặc biệt là mô hình "Commercial Value Chain" (chuỗi giá trị thương mại) bước đầu đã thành công gia nhập thị trường hàng hóa thế giới và mở rộng cơ cấu sản phẩm xuất khẩu/ The Strategy Committee: Advising the Board of Directors in formulating, implementing, evaluating the development strategy for the first 6 months and orienting the business strategy for the last 6 months of the upcoming fiscal year 2022-2023; supervising and leading in the implementation of strategic development projects on a global scale of the Company, especially the "Commercial Value Chain" model, which was initially successfully enter the world commodity market and expand the structure of export products.
- Ủy ban Đề cử và đãi ngộ: Phụ trách tham mưu cho HĐQT các hoạt động liên quan đến nhân sự, đảm bảo phù hợp với chiến lược phát triển nguồn nhân lực của HĐQT. Thực hiện soát xét chế độ thù lao cho từng thành viên HĐQT và Ủy ban/ Nominations & Remuneration Committee: In charge of advising the Board of Director related to human resource activities, ensuring compliance with the BOD's human resource development strategy. Reviewing the remuneration for each member of the Board of Directors and the Committee.
- Ủy ban Kiểm toán: Thực hiện rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro; Giám sát tính trung thực của các báo cáo tài chính của công ty; Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để trình HĐQT thông qua trước khi trình lên ĐHĐCĐ phê duyệt; Đồng thời theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của đơn vị kiểm toán và hiệu quả trong quá trình kiểm toán tại Công ty; Hoàn thành tốt vai trò giám sát để bảo đảm các hoạt động vận hành và quản trị của Công ty tuân thủ theo quy định của pháp luật/ Audit Committee: Conduct a review of the system of internal control and risk management; Monitor the truthfulness of the company's financial statements; Proposing the independent auditing company, the remuneration level and related terms in the contract with the auditing company to submit to the Board of Directors for approval before submitting to the General Meeting of Shareholders for approval; Simultaneously monitor and evaluate the independence and objectivity of the audit unit and the effectiveness of the audit process at the Company; Successfully fulfilling the supervisory role to ensure that the Company's operations and governance comply with the provisions of the law.

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng /năm )/Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semi-annual report/annual report):

| Stt No. | Số Nghị quyết/ Quyết định<br>Resolution/Decision No. | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                                           | Tỷ lệ thông qua<br>Approval rate |
|---------|------------------------------------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
| 1.      | 01a/2022/QĐ-HĐQT                                     | 01/07/2022   | Quyết định phân công, phân nhiệm cho các thành viên Ban điều hành/ Decision on assigning tasks to members of the Executive Board.             | 100%                             |
| 2.      | 02b/2022/NQ-HĐQT                                     | 07/07/2022   | Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín/ Approval on the loans capital at Saigon Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank. | 100%                             |

| Stt<br>No. | Số Nghị quyết/ Quyết định<br><i>Resolution/Decision No.</i> | Ngày<br><i>Date</i> | Nội dung<br><i>Content</i>                                                                                                                                                                                                                                | Tỷ lệ thông<br>qua<br><i>Approval<br/>rate</i> |
|------------|-------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| 3.         | 02d/2022/NQ-HĐQT                                            | 12/07/2022          | Thông qua vay vốn, phát hành L/C tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Định/ <i>Approval on the loans capital, issuing L/C at the Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam – Gia Dinh Branch.</i> | 100%                                           |
| 4.         | 04/2022/NQ-HĐQT                                             | 14/07/2022          | Thông qua chủ trương vay vốn ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Nha Trang/ <i>Approving the policy of short-term loans at Tien Phong Commercial Joint Stock Bank - Nha Trang Branch.</i>                                                  | 100%                                           |
| 5.         | 05/2022/QĐ-HĐQT                                             | 14/07/2022          | Thành lập ban kiến thiết nâng cao hiệu quả và kiện toàn hoạt động vận hành tại BU Kratie/ <i>Establishing the committee to improve efficiency and operation at BU Kratie.</i>                                                                             | 100%                                           |
| 6.         | 06/2022/QĐ-HĐQT                                             | 14/07/2022          | Thành lập ban kiến thiết nâng cao hiệu quả hoạt động vận hành tại TTCA/ <i>Establishing the committee to improve efficiency and operation at BU TTCA.</i>                                                                                                 | 100%                                           |
| 7.         | 07/2022/QĐ-HĐQT                                             | 14/07/2022          | Thành lập ban dự án phát triển vùng nguyên liệu tại Gia Lai/ <i>Establishing the project committee to develop material areas in Gia Lai.</i>                                                                                                              | 100%                                           |
| 8.         | 09/2022/NQ-HĐQT                                             | 14/07/2022          | Thông qua Bảng phân công nhiệm vụ của HĐQT/ <i>Approving the BOD' assignment of duties.</i>                                                                                                                                                               | 100%                                           |
| 9.         | 10/2022/NQ-HĐQT                                             | 14/07/2022          | Thông qua điều chỉnh thù lao cho HĐQT và Thư ký Công ty/ <i>Approving the adjustment of remuneration for the BOD and Company Secretary.</i>                                                                                                               | 100%                                           |
| 10.        | 11/2022/NQ-HĐQT                                             | 14/07/2022          | Thông qua điều chỉnh cơ chế vận hành và quản lý Nông nghiệp giữa Tổng Công ty và BU/ <i>Approving the adjustment of the agricultural operation and management mechanism between the Head Quarter and the BU.</i>                                          | 100%                                           |
| 11.        | 12/2022/NQ-HĐQT                                             | 14/07/2022          | Thông qua định hướng BHC trở thành Tổng Công ty Thương mại/ <i>Approving the orientation of BHC to become a Trading Corporation.</i>                                                                                                                      | 100%                                           |
| 12.        | 14/2022/NQ-HĐQT                                             | 19/07/2022          | Thông qua việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHCĐ/ <i>Approving the organization to collect written opinions of shareholders to approve the decision of the General Meeting of Shareholders.</i>                    | 100%                                           |

| Stt<br>No. | Số Nghị quyết/ Quyết định<br><i>Resolution/Decision No.</i> | Ngày<br><i>Date</i> | Nội dung<br><i>Content</i>                                                                                                                                                                                                                      | Tỷ lệ thông<br>qua<br><i>Approval<br/>rate</i> |
|------------|-------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| 13.        | 13b/2022/NQ-HĐQT                                            | 20/07/2022          | Thông qua việc vay vốn ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) - CN Đắk Lắk/ <i>Approving the short-term loans at Orient Commercial Joint Stock Bank (OCB) - Dak Lak Branch.</i>                                                          | 100%                                           |
| 14.        | 14b/2022/NQ-HĐQT                                            | 26/07/2022          | Thông qua bổ nhiệm bà Đặng Huỳnh Ước My làm người đại diện vốn góp của TTCBH tại TSU Australia/ <i>Approving the appointment of Ms. Dang Huynh Uc My is the representative of TTCBH's contributed capital at TSU Australia.</i>                 | 100%                                           |
| 15.        | 15/2022/QĐ-HĐQT                                             | 29/07/2022          | Thành lập Ban tổ chức Hội nghị Tổng kết niên độ 2021-2022/ <i>Establishment of the Organizing Committee for the Year End Conference of FY 2021-2022.</i>                                                                                        | 100%                                           |
| 16.        | 17/2022/NQ-HĐQT                                             | 29/07/2022          | Thông qua ủy quyền tham dự họp HĐQT từ bà Võ Thúy Anh cho bà Đặng Huỳnh Ước My/ <i>Approving the authorization to attend the Board of Directors meeting from Ms. Vo Thuy Anh to Ms. Dang Huynh Uc My.</i>                                       | 100%                                           |
| 17.        | 18/2022/NQ-HĐQT                                             | 06/08/2022          | Thông qua việc tái bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc thường trực/ <i>Approving the re-appointment of the Permanent Deputy CEO.</i>                                                                                                                     | 100%                                           |
| 18.        | 19/2022/NQ-HĐQT                                             | 06/08/2022          | Thông qua việc tái bổ nhiệm Giám đốc Tài chính/ <i>Approving the re-appointment of Chief Financial Officer.</i>                                                                                                                                 | 100%                                           |
| 19.        | 21/2022/QĐ-HĐQT                                             | 15/08/2022          | Thành lập Ban tổ chức chương trình tiếp đón Bộ trưởng Nông nghiệp Queensland/ <i>Establishment of the Organizing Committee to welcome the Queensland Minister of Agriculture.</i>                                                               | 100%                                           |
| 20.        | 23/2022/NQ-HĐQT                                             | 15/08/2022          | Thông qua việc tái cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng SinoPac – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh/ <i>Approval for getting credit facilities &amp; open accounts at Bank SinoPac – Ho Chi Minh City Branch.</i>                                   | 100%                                           |
| 21.        | 27/2022/NQ-HĐQT                                             | 17/08/2022          | Thông qua về việc thay đổi Người đại diện quản lý phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu/ <i>Approving the change of the Representative managing the Company's capital contribution at TTC Attapeu Sugar Co., Ltd.</i> | 100%                                           |
| 22.        | 27b/2022/NQ-HĐQT                                            | 17/08/2022          | Thông qua việc Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam, Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh/ <i>Regarding Credit limit, L/C issuance at Vietnam</i>                                                                                                        | 100%                                           |

| Stt<br>No. | Số Nghị quyết/ Quyết định<br>Resolution/Decision No. | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                                                                                     | Tỷ lệ thông<br>qua<br>Approval<br>rate |
|------------|------------------------------------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|
|            |                                                      |              | <i>Maritime Commercial Joint Stock Bank, Ho Chi Minh City Branch.</i>                                                                                                                                                                                                                   |                                        |
| 23.        | 31/2022/NQ-HĐQT                                      | 24/08/2022   | Thông qua việc tổ chức kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản/ <i>Approving the Organizing the vote check of shareholders' opinion collection in writing form.</i>                                                                                                                  | 100%                                   |
| 24.        | 31b/2022/NQ-HĐQT                                     | 25/08/2022   | Thông qua việc vay vốn phát hành L/C tại Ngân hàng thương mại TNHH E.Sun - Chi nhánh Đồng Nai/ <i>Approving the loans to issue L/C at E.Sun Commercial Bank - Dong Nai Branch.</i>                                                                                                      | 100%                                   |
| 25.        | 33/2022/NQ-HĐQT                                      | 26/08/2022   | Thông qua việc triển khai Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức niên độ 2020-2021/ <i>Regard to perform to share issuance for dividend payment in the fiscal year of 2020-2021.</i>                                                                                                | 100%                                   |
| 26.        | 35/2022/NQ-HĐQT                                      | 26/08/2022   | Thông qua việc tái cấp hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh/ <i>Regarding the approval for getting credit facilities &amp; open accounts at Vietnam JSC Bank for Industry and Trade Tay Ninh Branch.</i>                                       | 100%                                   |
| 27.        | 37/2022/NQ-HĐQT                                      | 26/08/2022   | Thông qua việc bảo lãnh cho Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa – Ninh Hòa vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam/ <i>Approval the guarantee for Bien Hoa- Ninh Hoa Sugar One Member Company Limited to get credit facilities at Vietnam Internatinal Commercial Joint Stock Bank.</i> | 100%                                   |
| 28.        | 37b/2022/NQ-HĐQT                                     | 01/09/2022   | Thông qua giao dịch tín dụng tại Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk/ <i>Approving the credit transactions at Orient Commercial Joint Stock Bank - Dak Lak Branch.</i>                                                                                                       | 100%                                   |
| 29.        | 38/2022/QĐ-HĐQT                                      | 01/09/2022   | Thành lập Ban tiếp nhận Công ty CP Mía đường Tây Ninh/ <i>Establishment of reception committee for Tay Ninh Sugar Joint Stock Company.</i>                                                                                                                                              | 100%                                   |
| 30.        | 38b/2022/NQ-HĐQT                                     | 05/09/2022   | Thông qua việc vay vốn ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam-Chi nhánh Gia Lai/ <i>Approval on Short-term loan at Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam-Gia Lai Branch.</i>                                                         | 100%                                   |
| 31.        | 40/2022/NQ-HĐQT                                      | 09/09/2022   | Thông qua việc điều chỉnh nội dung đăng ký hoạt động của văn phòng đại diện/ <i>Regarding the adjustment of the operation registration content of the Representative Office.</i>                                                                                                        | 100%                                   |

| Stt<br>No. | Số Nghị quyết/ Quyết định<br><i>Resolution/Decision No.</i> | Ngày<br><i>Date</i> | Nội dung<br><i>Content</i>                                                                                                                                                                                                                                      | Tỷ lệ thông<br>qua<br><i>Approval<br/>rate</i> |
|------------|-------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| 32.        | 42/2022/NQ-HĐQT                                             | 09/09/2022          | Thông qua việc nâng hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam/ <i>Approving the credit limit increase at Woori Bank Vietnam Ltd.</i>                                                                                                               | 100%                                           |
| 33.        | 44/2022/NQ-HĐQT                                             | 15/09/2022          | Thông qua việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên niên độ 2021-2022 và ngày đăng ký cuối cùng/ <i>Approving the organization of the Annual General Meeting of Shareholders for the FY 2021-2022 and the last registration date.</i>                   | 100%                                           |
| 34.        | 44b/2022/NQ-HĐQT                                            | 03/10/2022          | Thông qua việc mở tài khoản và vay vốn tại Ngân Hàng Hua Nan Commercial Bank, Ltd – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh/ <i>Regarding the approval for getting credit facilities &amp; open accounts at Hua Nan Commercial Bank, Ltd – Ho Chi Minh City Branch.</i> | 100%                                           |
| 35.        | 46/2022/NQ-HĐQT                                             | 07/10/2022          | Thông qua bộ tài liệu Đại hội đồng cổ đông niên độ 2021-2022/ <i>Approving the documents of the General Meeting of Shareholders for FY 2021-2022.</i>                                                                                                           | 100%                                           |
| 36.        | 48/2022/NQ-HĐQT                                             | 24/10/2022          | Bổ sung nội dung chương trình và tài liệu họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên niên độ 2021-2022/ <i>Supplementing the agenda and documents of the Annual General Meeting of Shareholders 2021-2022.</i>                                                        | 100%                                           |
| 37.        | 50/2022/NQ-HĐQT                                             | 28/10/2022          | Thông qua việc thành viên HĐQT ủy quyền cho bà Đặng Huỳnh Ước My thực hiện quyền và nghĩa vụ của HĐQT/ <i>Approving the member of the BOD authorized Ms. Dang Huynh Uc My to perform the rights and obligations of the BOD.</i>                                 | 100%                                           |
| 38.        | 52/2022/NQ-HĐQT                                             | 01/11/2022          | Thông qua việc tái bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh/ <i>Approving the re-appointment of VP Commercial.</i>                                                                                                                                                 | 100%                                           |
| 39.        | 54/2022/NQ-HĐQT                                             | 04/11/2022          | Thông qua ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền chia cổ tức niên độ 2020-2021/ <i>Approving the last registration date to exercise the right to pay dividends for FY 2020-2021.</i>                                                                            | 100%                                           |
| 40.        | 56/2022/NQ-HĐQT                                             | 04/11/2022          | Thông qua phân công phân nhiệm của các thành viên HĐQT/ <i>Approving the assignment of duties of the members of the BOD.</i>                                                                                                                                    | 100%                                           |
| 41.        | 57/2022/NQ-HĐQT                                             | 04/11/2022          | Thông qua nội dung phân công thành viên phụ trách các Ủy ban trực thuộc HĐQT/ <i>Approving the assigning members to be in charge of committees under the Board of Directors.</i>                                                                                | 100%                                           |

| Stt<br>No. | Số Nghị quyết/ Quyết định<br><i>Resolution/Decision No.</i> | Ngày<br><i>Date</i> | Nội dung<br><i>Content</i>                                                                                                                                                                                                                                 | Tỷ lệ thông<br>qua<br><i>Approval<br/>rate</i> |
|------------|-------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| 42.        | 58/2022/NQ-HĐQT                                             | 04/11/2022          | Thông qua điều chỉnh thù lao cho các thành viên HĐQT và thư ký Công ty/ <i>Approving the adjustment of remuneration for members of the Board of Directors and the Company's secretary.</i>                                                                 | 100%                                           |
| 43.        | 60/2022/NQ-HĐQT                                             | 10/11/2022          | Điều chỉnh ngày đăng ký cuối cùng nhận cổ tức niên độ 2020 – 2021/ <i>Adjustment of the last registration date to receive dividends for the year 2020 – 2021.</i>                                                                                          | 100%                                           |
| 44.        | 60b/2022/QĐ-HĐQT                                            | 16/11/2022          | Thông qua việc thành lập Ban giải quyết ứng phó khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế/ <i>Approving the establishment of the Financial Crisis and Economic Recession Committee</i>                                                                    | 100%                                           |
| 45.        | 39/2022/QĐ-HĐQT                                             | 20/11/2022          | Quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị rủi ro/ <i>Regarding the revision of the Risk Management Regulations.</i>                                                                                                                                     | 100%                                           |
| 46.        | 62/2022/NQ-HĐQT                                             | 30/11/2022          | Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức niên độ 2020 2021/ <i>Approving the results of issuing shares to pay dividends for the year 2020 2021.</i>                                                                                                 | 100%                                           |
| 47.        | 63/2022/QĐ-HĐQT                                             | 26/11/2022          | Thành lập Ban tái cấu trúc nguồn nhân lực/ <i>Establishment of the Human Resource Restructuring Committee</i>                                                                                                                                              | 100%                                           |
| 48.        | 65/2022/NQ-HĐQT                                             | 01/12/2022          | Thông qua việc cấp chứng thư bảo lãnh cho Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa/ <i>Approval of the guarantee certificate for Bien Hoa - Ninh Hoa Sugar One Member Co., Ltd.</i>                                                                      | 100%                                           |
| 49.        | 65b/2022/NQ-HĐQT                                            | 02/12/2022          | Thông qua mở tài khoản và giao dịch tín dụng tại Ngân Hàng Bangkok Đại Chúng Trách Nhiệm Hữu Hạn - Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh/ <i>Approving the account opening and credit transactions at Bangkok Public Bank Limited - Ho Chi Minh City Branch.</i> | 100%                                           |
| 50.        | 66/2022/NQ-HĐQT                                             | 05/12/2022          | Thông qua việc trả cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt cho cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có quyền chuyển đổi/ <i>Approving the payment of dividends in 2022 in cash to shareholders owning dividend preference shares with the right to convert.</i>      | 100%                                           |
| 51.        | 66b/2022/NQ-HĐQT                                            | 10/12/2022          | Thông qua triển khai nội dung phiên họp Hội đồng Quản trị tháng 12 năm 2022/ <i>Approving the implementation of the content of the December 2022 BOD meeting.</i>                                                                                          | 100%                                           |

| Stt<br>No. | Số Nghị quyết/ Quyết định<br><i>Resolution/Decision No.</i> | Ngày<br><i>Date</i> | Nội dung<br><i>Content</i>                                                                                                                                                                      | Tỷ lệ thông<br>qua<br><i>Approval<br/>rate</i> |
|------------|-------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| 52.        | 68/2022/NQ-HĐQT                                             | 12/12/2022          | Thông qua việc mở tài khoản và giao dịch tín dụng tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)/ <i>Regarding opening account and getting credit facilities at HSBC Bank (Vietnam) Ltd.</i> | 100%                                           |
| 53.        | 69/2022/QĐ-HĐQT                                             | 21/12/2022          | Điều chỉnh thành viên Ban kiến thiết nâng cao hiệu quả hoạt động vận hành tại TTCA/ <i>Adjusting members of the Committee to improve the operation and efficiency at TTCA.</i>                  | 100%                                           |
| 54.        | 70/2022/QĐ-HĐQT                                             | 21/12/2022          | Điều chỉnh thành viên Ban kiến thiết nâng cao hiệu quả hoạt động vận hành tại Kratie/ <i>Adjusting members of the Committee to improve the operation and efficiency at Kratie.</i>              | 100%                                           |
| 55.        | 72/2022/NQ-HĐQT                                             | 21/12/2022          | Thông qua triển khai các công việc trọng tâm trong tháng 12 năm 2022/ <i>Approval of implementing the key work plan in December 2022.</i>                                                       | 100%                                           |
| 56.        | 73/2022/QĐ-HĐQT                                             | 23/12/2022          | Quyết định về việc điều chuyển nhân sự/ <i>Decision on personnel transfer.</i>                                                                                                                  | 100%                                           |
| 57.        | 75/2022/NQ-HĐQT                                             | 30/12/2022          | Thông qua lựa chọn ngày 09/09/2022 là "Ngày truyền thống của TTC AgriS"/ <i>Approval of choosing "9th, September, 2022" (the Gregory calendar) as the "Traditional Day of TTC AgriS"</i>        | 100%                                           |

### III. Ủy ban Kiểm toán (Báo cáo 6 tháng)/ *Audit Committee (Semi-annual report):*

#### 1. Thông tin về thành viên Ủy ban Kiểm toán/ *Information about members of Audit Committee:*

| Stt<br>No. | Thành viên Ủy ban Kiểm toán<br><i>Members of Board of Supervisors/<br/>Audit Committee</i>                                | Chức vụ<br><i>Position</i>                                           | Ngày bắt đầu/không<br>còn là thành viên Ủy<br>ban Kiểm toán/ <i>The<br/>date<br/>becoming/ceasing to<br/>be the member of the<br/>Audit Committee</i> | Trình độ chuyên<br>môn<br><i>Qualification</i> |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| 1.         | Ông/Mr. Hoàng Mạnh Tiến -<br>Thành viên độc lập HĐQT /<br><i>Independent member of the Board<br/>of Directors</i>         | Chủ tịch Ủy ban Kiểm<br>toán/ <i>Chairman of Audit<br/>Committee</i> | Bổ nhiệm ngày<br><i>Appointment dated<br/>19/10/2019</i>                                                                                              | Cử nhân Luật/<br><i>Bachelor of Laws</i>       |
| 2.         | Bà/ Ms. Lovia Huang - Thành viên<br>độc lập Hội đồng quản trị/<br><i>Independent member of the Board<br/>of Directors</i> | Thành viên Ủy ban<br>Kiểm toán/ <i>Member of<br/>Audit Committee</i> | Miễn nhiệm ngày<br><i>Dismissal dated<br/>28/10/2022</i>                                                                                              | Cử nhân/ <i>Bachelor</i>                       |

| Stt<br>No. | Thành viên Ủy ban Kiểm toán<br><i>Members of Board of Supervisors/<br/>Audit Committee</i>                                | Chức vụ<br><i>Position</i>                                           | Ngày bắt đầu/không<br>còn là thành viên Ủy<br>ban Kiểm toán/ <i>The<br/>date<br/>becoming/ceasing to<br/>be the member of the<br/>Audit Committee</i> | Trình độ chuyên<br>môn<br><i>Qualification</i>                                  |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
| 3.         | Bà/ Ms. Võ Thúy Anh - Thành viên<br>độc lập Hội đồng quản trị/<br><i>Independent member of the Board<br/>of Directors</i> | Thành viên Ủy ban<br>Kiểm toán/ <i>Member of<br/>Audit Committee</i> | Bổ nhiệm ngày<br><i>Appointment dated<br/>04/11/2022</i>                                                                                              | Cử nhân Tài chính<br>Kế toán/ <i>Bachelor<br/>of Accounting and<br/>Finance</i> |

## 2. Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán/Meetings of Audit Committee

| Stt<br>No. | Thành viên Ủy ban Kiểm<br>toán <i>Members of Board of<br/>Supervisors/<br/>Audit Committee</i> | Số buổi họp tham<br>dự <i>Number of<br/>meetings attended</i> | Tỷ lệ tham dự<br>họp<br><i>Attendance rate</i> | Tỷ lệ biểu<br>quyết<br><i>Voting rate</i> | Lý do không<br>tham dự họp<br><i>Reasons for<br/>absence</i>         |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| 1.         | Ông/Mr. Hoàng Mạnh Tiến                                                                        | 2/2                                                           | 100%                                           | 100%                                      |                                                                      |
| 2.         | Bà/ Mrs. Lovia Huang                                                                           | 1/2                                                           | 50%                                            | 100%                                      | Miễn nhiệm từ<br>ngày/<br><i>Dismissal<br/>dated:<br/>05/10/2022</i> |
| 3.         | Bà/ Ms. Võ Thúy Anh                                                                            | 1/2                                                           | 50%                                            | 100%                                      | Bổ nhiệm ngày<br><i>Appointment<br/>dated<br/>04/11/2022</i>         |

## 3. Hoạt động giám sát của Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors or Audit Committee:

- Trong 6 tháng đầu niên độ 2022- 2023, Ủy ban Kiểm toán tham dự đầy đủ các phiên họp của Hội đồng Quản trị, đồng thời đã có nhiều ý kiến đóng góp theo chức năng và nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm toán. Nhằm đảm bảo các Nghị quyết do Hội đồng Quản trị ban hành tuân thủ các quy định pháp luật và Điều lệ của Công ty/ *In the first 6 months of the fiscal year 2022 - 2023, the Audit Committee fully attended the meetings of the Board of Directors and made many comments according to the functions and tasks of the Audit Committee. Ensuring that the Resolutions issued by the Board of Directors comply with the provisions of law and the Charter of the Company.*
- Thực hiện kiểm tra định kỳ và đột xuất hoạt động của các Đơn vị thành viên trực thuộc Tổng Công ty và các Khối/Phòng ban chức năng của Tổng Công ty và đề xuất tham mưu cho HĐQT: Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh; công tác quản lý doanh thu, chi phí; giám sát thu hồi công nợ; các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty và các chính sách Quản lý rủi ro/ *Implementing periodically and irregularly inspection of the activities of the subsidiaries under the Headquarters and the Divisions/ Departments of the Company, and propose to advise the BOD: The implementation of the business pla; revenue and expense management; Supervising the Debt collection; solutions to handle risks arising in the Company's operations and Risk Management policies.*
- Định kỳ lập báo cáo giám sát, kiến nghị HĐQT và Ban điều hành thực hiện nội dung liên quan đến sản xuất kinh doanh tại các Đơn vị thành viên theo thẩm quyền/ *Periodically prepare monitoring reports, recommend to the Board of Directors and the Board of Management to implement related to production and business at the Member Subsidiaries according to their competence.*
- Hoạt động giám sát đối với Hội đồng quản trị: Tham mưu cho HĐQT ban hành các chính sách liên quan đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và các đơn vị thành viên. Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt chức

năng định hướng phát triển cho Công ty, thông qua việc hoạch định, kiểm soát và điều chỉnh các quyết định chiến lược. Ủy ban Kiểm toán báo cáo cho HĐQT về các hoạt động, vấn đề phát hiện và các kiến nghị liên quan của Ủy ban Kiểm toán/ *Supervising activities for the Board of Directors: Advising the Board of Directors to issue policies related to the business of the Headquarters and Member Subsidiaries. The Board of Directors has performed well the function of orienting the development for the Company by planning, controlling, and adjusting strategic decisions. The Audit Committee reports to the BOD on the activities, findings and related recommendations of the Audit Committee.*

- Hoạt động giám sát đối với Ban điều hành: Tham dự vào các phiên họp với Ban Tổng Giám Đốc và để đóng góp ý kiến cho việc thiết lập, đánh giá thực hiện mục tiêu và kế hoạch của Công ty trong 6 tháng đầu niên độ. Nhận thấy, Ban điều hành đã nghiêm túc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và thực thi tốt chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Đồng thời thực hiện nghiêm túc các nội dung Nghị quyết của HĐQT/ *Supervising activities for the Board of Management: Attending meetings with the BOM and contributing ideas for setting, evaluating the implementation of the Company's goals and plans in the first 6 months of the fiscal year. Found that the Board of Management has seriously implemented the Resolutions of the General Meeting of Shareholders and performed well the functions and duties following the law and the Company's Charter. On the other hand, truly organizing the content of the Resolutions of the BOD. Strictly implement the contents of the resolutions of the Board of Directors*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/ *The coordination among the Board of Supervisors, Audit Committee, the Board of Management, Board of Directors and other managers:*

Giữa Ủy ban Kiểm toán, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc luôn có sự phối hợp chặt chẽ. Ủy ban kiểm toán nhận được sự hợp tác, tạo điều kiện từ HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong quá trình thực thi chức năng của mình, như việc cung cấp thông tin, tài liệu, cử nhân sự chuyên trách làm việc với Ủy ban kiểm toán khi có yêu cầu. Các báo cáo tổng kết công tác kiểm tra, giám sát của Ủy ban Kiểm toán đều được gửi tới HĐQT và Ban Tổng Giám đốc/ *Between the Audit Committee, the Board of Directors, and the Board of Management has close coordination. The Audit Committee receives cooperation and facilitation from the Board of Directors and the Board of Management in the process of performing the functions, such as providing information, documents and appointing specialized personnel to work with the Audit Committee when required. The summarizing reports of the inspection and supervision of the Audit Committee are sent to the Board of Directors and the Board of Management.*

5. Hoạt động khác của BKS/ Ủy ban Kiểm toán (nếu có)/ *Other activities of the Board of Supervisors and Audit Committee (if any):*

- Nhận diện và đánh giá rủi ro trong các hoạt động của Công ty và các Đơn vị thành viên để làm cơ sở lập kế hoạch Kiểm toán nội bộ/ *Identify and assess risks in the activities of the Company and BU to serve as a basis for planning the Internal Audit.*
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện tái cấu trúc theo hướng tinh gọn, hiệu quả/ *Reviewing and supervising the implementation of restructuring in a lean and efficient.*
- Thường xuyên cập nhật các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty và tổ chức thực hiện giám sát việc tuân thủ của Công ty/ *Regularly update the provisions of the law related to the Company's activities and organize the implementation and monitoring of the Company's compliance.*
- Phối hợp chặt chẽ với các bộ phận làm công tác kiểm toán tại các Đơn vị thành viên, để có được sự thống nhất, hỗ trợ tốt trong công tác kiểm tra, giám sát/ *Closely coordination with the audit departments at the subsidiaries to achieve consistency and good support in inspection and supervision.*
- Xây dựng và trình HĐQT các chính sách quản lý rủi ro cho Công ty và đề xuất với HĐQT các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty/ *Developing and submitting to the BOD risk management policies for the Company and propose to the BOD solutions to handle risks arising in the Company's operations.*
- Soát xét báo cáo tài chính niên độ 2021 – 2022, kiểm tra thông tin trong Báo cáo thường niên niên độ 2021 – 2022 trước khi trình HĐQT/ *Reviewing the 2021-2022 financial statements, checking the information in the 2021-2022 Annual Report before submitting to the BOD.*

#### IV. Ban điều hành/Board of Management

| STT<br>No. | Thành viên Ban điều hành/Members of Board of Management | Ngày tháng năm sinh<br>Date of birth | Trình độ chuyên môn<br>Qualification                                          | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/<br>Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management / |
|------------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.         | Ông/ Mr. Nguyễn Thanh Ngữ                               | 12/02/1987                           | Cử nhân Quản trị kinh doanh/Bachelor of Business Administration.              | Bổ nhiệm ngày/ Date of appointment 01/11/2014                                                                                  |
| 2.         | Bà/ Ms. Đoàn Vũ Uyên Duyên                              | 13/01/1987                           | Thạc sĩ Kinh tế/Master of Economics.                                          | Bổ nhiệm ngày/ Date of appointment 22/01/2020                                                                                  |
| 3.         | Ông/ Mr. Huỳnh Văn Pháp                                 | 17/05/1979                           | Cử nhân Quản trị Kinh doanh/ Bachelor of Business Administration.             | Bổ nhiệm ngày /Date of appointment 01/11/2021                                                                                  |
| 4.         | Bà/ Ms. Lâm Thị Cẩm Lệ                                  | 29/07/1975                           | Cử nhân Kinh doanh Quốc tế/ Bachelor of International Business Administration | Bổ nhiệm ngày /Date of appointment 28/06/2022                                                                                  |

#### V. Kế toán trưởng/Chief Accountant

| Họ và tên<br>Name    | Ngày tháng năm sinh<br>Date of birth | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ<br>Qualification | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm<br>Date of appointment/ dismissal |
|----------------------|--------------------------------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| Ông/ Mr. Lê Phát Tín | 29/11/1981                           | Cử nhân kế toán/Bachelor of Accountancy        | Bổ nhiệm ngày/ Date of appointment 16/07/2016               |

#### VI. Đào tạo về quản trị công ty/Training courses on corporate governance:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, Director (General Director), other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance:

Tất cả các thành viên HĐQT đều đã có chứng chỉ hoặc bằng cấp tương đương về Quản trị Công ty.

All members of the Board of Directors have an equivalent certificate or degree in Corporate Governance.

#### VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/The list of affiliated persons of the public company (Semi-annual report/annual report) and transactions of affiliated persons of the Company)

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/The list of affiliated persons of the Company:

Phụ lục 01/ Appendix 01

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.

Phụ lục 02/ Appendix 02

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power.

Không có/ Nil

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/*Transactions between the Company and other objects*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/*Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting).*

Không có/ Nil

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/*Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO).*

Không có/ Nil

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/*Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers.*

Không có/ Nil

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng)/*Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Semi-annual report/annual report)*

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/*The list of internal persons and their affiliated persons công ty / Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company*

Phụ lục 03/ *Appendix 03*

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/*Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company*

Phụ lục 04/ *Appendix 04*

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/*Other significant issues*

Không có/ Nil

**Nơi nhận/ Recipients:**

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*; Sở Giao dịch chứng khoán./*The Stock Exchange*

-Lưu/Archived: VPCT /*The Secretariat*

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
*CHAIRLADY OF THE BOARD OF DIRECTORS*

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)  
*(Sign, full name, and seal)*



ĐẶNG HUỖNH ỨC MY



**PHỤ LỤC 01/ APPENDIX 01**

**DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY/ THE LIST OF AFFILIATED PERSONS OF THE COMPANY**

| STT                                                 | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/ individual</i> | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the Company (if any)</i>                                                      | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH<br><i>No.*, date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br><i>Time of starting to be affiliated person</i> | Thời điểm không còn là người có liên quan<br><i>Time of ending to be affiliated person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty/<br><i>Relationship with the Company</i>  |
|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
| <b>I. Hội đồng quản trị/ The Board of Directors</b> |                                                                |                                                                                        |                                                                                                                              |                                                                                   |                                                        |                                                                                            |                                                                                            |                         |                                                                             |
| 1                                                   | Huỳnh Bích Ngọc                                                |                                                                                        | Người đại diện pháp luật kiêm Chủ tịch HĐQT<br><i>Legal representative and Chairwoman of the Board of Directors</i>          |                                                                                   |                                                        | Tháng 10/2019<br><i>October 2019</i>                                                       |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty<br><i>Affiliated person with the Company</i> |
| 2                                                   | Đặng Huỳnh Ước My                                              |                                                                                        | Người đại diện pháp luật kiêm Phó Chủ tịch HĐQT<br><i>Legal representative and Vice Chairwoman of the Board of Directors</i> |                                                                                   |                                                        | Tháng 10/2019<br><i>October 2019</i>                                                       |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty<br><i>Affiliated person with the Company</i> |
| 3                                                   | Hoàng Mạnh Tiến                                                |                                                                                        | Thành viên độc lập HĐQT<br><i>Independent member of the Board of Directors</i>                                               |                                                                                   |                                                        | Tháng 07/2019<br><i>July 2019</i>                                                          |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty<br><i>Affiliated person with the Company</i> |
| 4                                                   | Võ Thúy Anh                                                    |                                                                                        | Thành viên độc lập HĐQT<br><i>Independent member of the Board of Directors</i>                                               |                                                                                   |                                                        | Tháng 09/2020<br><i>September 2020</i>                                                     |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty<br><i>Affiliated person with the Company</i> |

| STT | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i> | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the Company (if any)</i>        | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH<br><i>No. *, date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br><i>Time of starting to be affiliated person</i> | Thời điểm không còn là người có liên quan<br><i>Time of ending to be affiliated person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty/<br><i>Relationship with the Company</i>  |
|-----|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
| 5   | Võ Tòng Xuân                                                  |                                                                                        | Thành viên HĐQT<br><i>Member of the Board of Directors</i>                     |                                                                                    |                                                        | Tháng 10/2019<br><i>October 2019</i>                                                       |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty<br><i>Affiliated person with the Company</i> |
| 6   | Trần Trọng Gia Vinh                                           |                                                                                        | Thành viên độc lập HĐQT<br><i>Independent member of the Board of Directors</i> |                                                                                    |                                                        | Tháng 10/2022<br><i>October 2022</i>                                                       |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty<br><i>Affiliated person with the Company</i> |
| 7   | Trần Tấn Việt                                                 |                                                                                        | Thành viên HĐQT<br><i>Member of the Board of Directors</i>                     |                                                                                    |                                                        | Tháng 10/2022<br><i>October 2022</i>                                                       |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty<br><i>Affiliated person with the Company</i> |

## II. Ban Tổng Giám đốc/Board of Management

|   |                    |  |                                                              |  |  |                                       |  |  |                                                                             |
|---|--------------------|--|--------------------------------------------------------------|--|--|---------------------------------------|--|--|-----------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Nguyễn Thanh Ngự   |  | Tổng Giám đốc<br><i>CEO</i>                                  |  |  | Tháng 11/2014<br><i>November 2014</i> |  |  | Người có liên quan với Công ty<br><i>Affiliated person with the Company</i> |
| 2 | Đoàn Vũ Uyên Duyên |  | Phó Tổng Giám đốc Thường trực<br><i>Permanent deputy CEO</i> |  |  | Tháng 02/2020<br><i>February 2020</i> |  |  | Người có liên quan với Công ty<br><i>Affiliated person with the Company</i> |
| 3 | Huỳnh Văn Pháp     |  | Phó Tổng Giám đốc khối Kinh doanh                            |  |  | Tháng 11/2021                         |  |  | Người có liên quan với Công ty                                              |

| STT                                                                      | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i> | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the Company (if any)</i>       | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH<br><i>No.*, date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br><i>Time of starting to be affiliated person</i> | Thời điểm không còn là người có liên quan<br><i>Time of ending to be affiliated person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty/<br><i>Relationship with the Company</i>  |
|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
|                                                                          |                                                               |                                                                                        | Deputy CEO Division of Sales                                                  |                                                                                   |                                                        | November 2021                                                                              |                                                                                            |                         | Affiliated person with the Company                                          |
| 4                                                                        | Lâm Thị Cẩm Lệ                                                |                                                                                        | Phó Tổng Giám đốc khối Cung ứng<br><i>Deputy CEO Division of Supply Chain</i> |                                                                                   |                                                        | Tháng 06/2022<br>June 2022                                                                 |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty<br><i>Affiliated person with the Company</i> |
| <b>III. Giám đốc Tài chính/ Chief Financial Officer</b>                  |                                                               |                                                                                        |                                                                               |                                                                                   |                                                        |                                                                                            |                                                                                            |                         |                                                                             |
| 1                                                                        | Nguyễn Thị Phương Thảo                                        |                                                                                        | Giám đốc Tài chính<br><i>Chief Financial Officer</i>                          |                                                                                   |                                                        | Tháng 08/2020<br>August 2020                                                               |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty<br><i>Affiliated person with the Company</i> |
| <b>IV. Kế toán trưởng/ Chief accountant</b>                              |                                                               |                                                                                        |                                                                               |                                                                                   |                                                        |                                                                                            |                                                                                            |                         |                                                                             |
| 1                                                                        | Lê Phát Tín                                                   |                                                                                        | Kế toán trưởng<br><i>Chief Accountant</i>                                     |                                                                                   |                                                        | Tháng 01/2015<br>January 2015                                                              |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty<br><i>Affiliated person with the Company</i> |
| <b>V. Cá nhân giữ chức danh quản lý khác/ Other management positions</b> |                                                               |                                                                                        |                                                                               |                                                                                   |                                                        |                                                                                            |                                                                                            |                         |                                                                             |
| 1                                                                        | Đinh Vũ Quốc Huy                                              |                                                                                        | Thư ký Công ty<br><i>Company Secretary</i>                                    |                                                                                   |                                                        | Tháng 11/2020<br>November 2020                                                             |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty<br><i>Affiliated person with the Company</i> |

| STT                                                             | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i> | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the Company (if any)</i>            | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH<br><i>No.*, date of issue, place of issue</i>          | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i>            | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br><i>Time of starting to be affiliated person</i> | Thời điểm không còn là người có liên quan<br><i>Time of ending to be affiliated person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty/<br><i>Relationship with the Company</i>  |
|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
| 2                                                               | Tăng Kim Tây                                                  |                                                                                        | Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng<br><i>Da Nang Branch General Manager</i>                |                                                                                            |                                                                   | Tháng 04/2020<br><i>April 2020</i>                                                         |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty<br><i>Affiliated person with the Company</i> |
| 3                                                               | Trương Văn Toại                                               |                                                                                        | Giám đốc chi nhánh Cần Thơ<br><i>Can Tho Branch General Manager</i>                |                                                                                            |                                                                   | Tháng 04/2020<br><i>April 2020</i>                                                         |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty<br><i>Affiliated person with the Company</i> |
| 4                                                               | Võ Hồng Tuyển                                                 |                                                                                        | Giám đốc chi nhánh TTCS<br><i>TTCS Factory General Manager</i>                     |                                                                                            |                                                                   | Tháng 11/2021<br><i>November 2021</i>                                                      |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty<br><i>Affiliated person with the Company</i> |
| <b>VI. Tổ chức có liên quan/ <i>Affiliated organization</i></b> |                                                               |                                                                                        |                                                                                    |                                                                                            |                                                                   |                                                                                            |                                                                                            |                         |                                                                             |
| 1                                                               | Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công                       |                                                                                        | Cổ đông lớn<br><i>Majority Shareholder</i>                                         | 0301466073<br>Ngày cấp: 10/01/2019<br>Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh | 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty<br><i>Affiliated person with the Company</i> |
| 1.1                                                             | Huỳnh Bích Ngọc                                               |                                                                                        | Người đại diện pháp luật kiêm Tổng Giám đốc<br><i>Legal representative and CEO</i> |                                                                                            |                                                                   | Tháng 10/2019<br><i>October 2019</i>                                                       |                                                                                            |                         | Người đại diện pháp luật của Cổ đông lớn<br><i>Legal</i>                    |

| STT | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/ individual</i> | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the Company (if any)</i> | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH<br><i>No.*, date of issue, place of issue</i>  | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i>          | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br><i>Time of starting to be affiliated person</i> | Thời điểm không còn là người có liên quan<br><i>Time of ending to be affiliated person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty/<br><i>Relationship with the Company</i>                |
|-----|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                |                                                                                        |                                                                         |                                                                                    |                                                                 |                                                                                            |                                                                                            |                         | <i>representative of major shareholder</i>                                                |
| 2   | Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Thành Công (TTCAD)      |                                                                                        | Công ty con trực tiếp<br><i>Direct Subsidiary</i>                       | 3901183393<br>Ngày cấp: 28/09/2022<br>Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh | Tổ 2, Ấp Tân Lợi, Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh    |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Cổ đông lớn<br><i>Affiliated person with Major Shareholders</i>    |
| 2.1 | Đặng Huỳnh Ước My                                              |                                                                                        | Chủ tịch Công ty con trực tiếp<br><i>Chairman Direct of Subsidiary</i>  |                                                                                    |                                                                 |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người đại diện pháp luật của Công ty con<br><i>Legal representative of the Subsidiary</i> |
| 3   | Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai ("TTCS Gia Lai")     |                                                                                        | Công ty con trực tiếp<br><i>Direct Subsidiary</i>                       | 5900421955<br>Ngày cấp: 23/08/2022<br>Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai  | 561 Trần Hưng Đạo, Phường Cheo Reo, Thị xã Ayunpa, Tỉnh Gia Lai |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty<br><i>Affiliated person with the Company</i>               |
| 3.1 | Vũ Thị Lan                                                     |                                                                                        | Chủ tịch Công ty con trực tiếp<br><i>Chairman Direct of Subsidiary</i>  |                                                                                    |                                                                 |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người đại diện pháp luật của Công ty con<br><i>Legal</i>                                  |

| STT | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/ individual</i> | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the Company (if any)</i> | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH<br><i>No.*, date of issue, place of issue</i>                | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i>            | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br><i>Time of starting to be affiliated person</i> | Thời điểm không còn là người có liên quan<br><i>Time of ending to be affiliated person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty/<br><i>Relationship with the Company</i>                |
|-----|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                |                                                                                        |                                                                         |                                                                                                  |                                                                   |                                                                                            |                                                                                            |                         | <i>representative of the Subsidiary</i>                                                   |
| 4   | Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tư Nhân Đầu tư TSU                 |                                                                                        | Công ty con trực tiếp<br><i>Direct Subsidiary</i>                       | 201530328M<br>Ngày cấp: 29/07/2015<br>Nơi cấp: Cơ quan quản lý doanh nghiệp và kế toán Singapore | Singapore                                                         |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty<br><i>Affiliated person with the Company</i>               |
| 5   | Công ty TNHH MTV Mía Đường Thành Thành Công – Biên Hòa         |                                                                                        | Công ty con trực tiếp<br><i>Direct Subsidiary</i>                       | 0316978564<br>Ngày cấp: 18/10/2021<br>Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh       | 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty<br><i>Affiliated person with the Company</i>               |
| 5.1 | Võ Công Minh                                                   |                                                                                        | Chủ tịch Công ty con trực tiếp<br><i>Chairman Direct of Subsidiary</i>  |                                                                                                  |                                                                   |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người đại diện pháp luật của Công ty con<br><i>Legal representative of the Subsidiary</i> |
| 6   | Công ty TNHH MTV Nước Miaqua                                   |                                                                                        | Công ty con gián tiếp<br><i>Direct Subsidiary</i>                       | 3901241327<br>Ngày cấp: 16/03/2022<br>Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh               | Tổ 2, Ấp Tân Lợi, Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh      |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty<br><i>Affiliated person with the Company</i>               |

| STT | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i> | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the Company (if any)</i>    | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH<br><i>No.*, date of issue, place of issue</i>  | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i>                                                        | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br><i>Time of starting to be affiliated person</i> | Thời điểm không còn là người có liên quan<br><i>Time of ending to be affiliated person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty/<br><i>Relationship with the Company</i>                |
|-----|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| 6.1 | Nguyễn Bình Ninh                                              |                                                                                        | Chủ tịch Công ty con trực tiếp<br><i>Chairman<br/>Direct of Subsidiary</i> |                                                                                    |                                                                                                               |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người đại diện pháp luật của Công ty con<br><i>Legal representative of the Subsidiary</i> |
| 7   | Công ty TNHH Hải Vi                                           |                                                                                        | Công ty con trực tiếp<br><i>Direct Subsidiary</i>                          | 3900244283<br>Ngày cấp: 28/08/2020<br>Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh | Tổ 1, Ấp Thành Đông, Xã Thành Long, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh                                           |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty<br><i>Affiliated person with the Company</i>               |
| 7.1 | Nguyễn Văn Kiên                                               |                                                                                        | Giám đốc Công ty con trực tiếp<br><i>Director of Subsidiary</i>            |                                                                                    |                                                                                                               |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người đại diện pháp luật của Công ty con<br><i>Legal representative of the Subsidiary</i> |
| 8   | Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Dịch vụ TTC An Hòa       |                                                                                        | Công ty con trực tiếp<br><i>Direct Subsidiary</i>                          | 3901299013<br>Ngày cấp: 03/06/2020<br>Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh | Lô B3, 3B, đường D11, lô B4, đường DB2, KCN Thành Thành Công, Phường An Hòa, Thị xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty<br><i>Affiliated person with the Company</i>               |

| STT | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i> | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the Company (if any)</i> | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH<br><i>No.*, date of issue, place of issue</i>  | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i>             | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br><i>Time of starting to be affiliated person</i> | Thời điểm không còn là người có liên quan<br><i>Time of ending to be affiliated person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty/<br><i>Relationship with the Company</i>                |
|-----|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| 8.1 | Nguyễn Thị Thủy Tiên                                          |                                                                                        | Chủ tịch Công ty con trực tiếp<br><i>Chairman Direct of Subsidiary</i>  |                                                                                    |                                                                    |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người đại diện pháp luật của Công ty con<br><i>Legal representative of the Subsidiary</i> |
| 9   | Công ty TNHH MTV Ý Tưởng Xanh Thành Công                      |                                                                                        | Công ty con trực tiếp<br><i>Direct Subsidiary</i>                       | 3901302932<br>Ngày cấp: 27/12/2022<br>Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh | Tổ 2, Ấp Tân Lợi, Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh       |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty<br><i>Affiliated person with the Company</i>               |
| 9.1 | Lê Đức Tồn                                                    |                                                                                        | Chủ tịch Công ty con trực tiếp<br><i>Chairman Direct of Subsidiary</i>  |                                                                                    |                                                                    |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người đại diện pháp luật của Công ty con<br><i>Legal representative of the Subsidiary</i> |
| 10  | Công ty TNHH Thực Phẩm Thành Thành Công                       |                                                                                        | Công ty con trực tiếp<br><i>Direct Subsidiary</i>                       | 0316662899<br>Ngày cấp: 29/12/2020<br>Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư               | 253, Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty<br><i>Affiliated person with the Company</i>               |

| STT  | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i> | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the Company (if any)</i> | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH<br><i>No.*, date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i>       | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br><i>Time of starting to be affiliated person</i> | Thời điểm không còn là người có liên quan<br><i>Time of ending to be affiliated person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty/<br><i>Relationship with the Company</i>                |
|------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
|      |                                                               |                                                                                        |                                                                         | Thành phố Hồ Chí Minh                                                             |                                                              |                                                                                            |                                                                                            |                         |                                                                                           |
| 10.1 | Nguyễn Thanh Ngử                                              |                                                                                        | Chủ tịch Công ty con trực tiếp<br><i>Chairman Direct of Subsidiary</i>  |                                                                                   |                                                              |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người đại diện pháp luật của Công ty con<br><i>Legal representative of the Subsidiary</i> |
| 11   | Công ty TNHH MTV Nông Nghiệp Xanh Thành Công                  |                                                                                        | Công ty con trực tiếp<br><i>Direct Subsidiary</i>                       | 3901300300<br>Ngày cấp: 26/12/2022<br>Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tây Ninh     | Tổ 2, Ấp Tân Lợi, Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty<br><i>Affiliated person with the Company</i>               |
| 11.1 | Đặng Thị Diễm Trinh                                           |                                                                                        | Chủ tịch Công ty con trực tiếp<br><i>Chairman Direct of Subsidiary</i>  |                                                                                   |                                                              |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người đại diện pháp luật của Công ty con<br><i>Legal representative of the Subsidiary</i> |
| 12   | Công ty TNHH MTV Thành Công Xanh                              |                                                                                        | Công ty con trực tiếp<br><i>Direct of Subsidiary</i>                    | 3901299687<br>Ngày cấp: 19/06/2020                                                | Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh                                |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty<br><i>Affiliated person with the Company</i>               |

| STT  | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/ individual</i> | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the Company (if any)</i> | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH<br><i>No.*, date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i>       | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br><i>Time of starting to be affiliated person</i> | Thời điểm không còn là người có liên quan<br><i>Time of ending to be affiliated person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty/<br><i>Relationship with the Company</i>                |
|------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
|      |                                                                |                                                                                        |                                                                         | Nơi cấp: Sở Kế Hoạch và Đầu tư Tây Ninh                                           |                                                              |                                                                                            |                                                                                            |                         |                                                                                           |
| 12.1 | Nguyễn Thị Thủy Tiên                                           |                                                                                        | Chủ tịch Công ty con trực tiếp<br><i>Chairman Direct of Subsidiary</i>  |                                                                                   |                                                              |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người đại diện pháp luật của Công ty con<br><i>Legal representative of the Subsidiary</i> |
| 13   | Công ty TNHH MTV Đầu tư Nông nghiệp Thành Công                 |                                                                                        | Công ty con trực tiếp<br><i>Direct of Subsidiary</i>                    | 3901300269<br>Ngày cấp: 23/12/2022<br>Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tây Ninh     | Tổ 2, Ấp Tân Lợi, Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty<br><i>Affiliated person with the Company</i>               |
| 13.1 | Huỳnh Long Định                                                |                                                                                        | Chủ tịch Công ty con trực tiếp<br><i>Chairman Direct of Subsidiary</i>  |                                                                                   |                                                              |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người đại diện pháp luật của Công ty con<br><i>Legal representative of the Subsidiary</i> |
| 14   | Công ty TNHH MTV Năng                                          |                                                                                        | Công ty con trực tiếp<br><i>Direct of Subsidiary</i>                    | 4201887283<br>Ngày cấp: 13/07/2021                                                | Phước Lâm, Xã Ninh Xuân, Thị xã Ninh                         |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty                                                            |

| STT  | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/ individual</i> | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the Company (if any)</i>     | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH<br><i>No.*, date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i>   | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br><i>Time of starting to be affiliated person</i> | Thời điểm không còn là người có liên quan<br><i>Time of ending to be affiliated person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty/<br><i>Relationship with the Company</i>                 |
|------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|
|      | lượng Sạch Ninh Hòa                                            |                                                                                        |                                                                             | Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Khánh Hòa                                          | Hòa, Tỉnh Khánh Hòa                                      |                                                                                            |                                                                                            |                         | <i>Affiliated person with the Company</i>                                                  |
| 14.1 | Phạm Minh Nhật                                                 |                                                                                        | <i>Chủ tịch Công ty con trực tiếp<br/>Chairman<br/>Direct of Subsidiary</i> |                                                                                   |                                                          |                                                                                            |                                                                                            |                         | <i>Người đại diện pháp luật của Công ty con<br/>Legal representative of the Subsidiary</i> |
| 15   | Công ty TNHH MTV Năng lượng Xanh Ninh Hòa                      |                                                                                        | Công ty con trực tiếp<br><i>Direct of Subsidiary</i>                        | 4201887300<br>Ngày cấp: 13/07/2021<br>Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Khánh Hòa    | Phước Lâm, Xã Ninh Xuân, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty<br><i>Affiliated person with the Company</i>                |
| 15.1 | Nguyễn Quốc Việt                                               |                                                                                        | <i>Chủ tịch Công ty con trực tiếp<br/>Chairman<br/>Direct of Subsidiary</i> |                                                                                   |                                                          |                                                                                            |                                                                                            |                         | <i>Người có liên quan với Công ty<br/>Affiliated person with the Company</i>               |
| 16   | Công ty Cổ phần Đường Nước Trong                               |                                                                                        | Công ty con trực tiếp<br><i>Direct of Subsidiary</i>                        | 3900243272-005<br>Ngày cấp: 30/12/2020<br>Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tây Ninh | Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh     |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty<br><i>Affiliated person with the Company</i>                |

| STT  | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i> | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the Company (if any)</i> | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH<br><i>No.*, date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i>        | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br><i>Time of starting to be affiliated person</i> | Thời điểm không còn là người có liên quan<br><i>Time of ending to be affiliated person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty/<br><i>Relationship with the Company</i>                |
|------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| 16.1 | Nguyễn Thị Thủy Tiên                                          |                                                                                        | Chủ tịch Công ty con trực tiếp<br><i>Chairman Direct of Subsidiary</i>  |                                                                                   |                                                               |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người đại diện pháp luật của Công ty con<br><i>Legal representative of the Subsidiary</i> |
| 17   | Công ty TNHH Nghiên Cứu, Ứng Dụng Mía Đường Thành Thành Công  |                                                                                        | Công ty con trực tiếp<br><i>Direct of Subsidiary</i>                    | 3901162964<br>Ngày cấp: 31/03//2022<br>Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tây Ninh    | 99 Ấp Bình Hòa, Xã Thái Bình, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty<br><i>Affiliated person with the Company</i>               |
| 17.1 | Nguyễn Tây Khoa                                               |                                                                                        | Giám đốc Công ty con trực tiếp<br><i>Director of Subsidiary</i>         |                                                                                   |                                                               |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người đại diện pháp luật của Công ty con<br><i>Legal representative of the Subsidiary</i> |
| 18   | Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa                    |                                                                                        | Công ty con gián tiếp<br><i>Indirect Subsidiary</i>                     | 4200636590<br>Ngày cấp: 10/01/2022                                                | Thôn Phước Lâm, Xã Ninh Xuân, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty                                                            |

| STT  | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/ individual</i> | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the Company (if any)</i>  | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH<br><i>No.*, date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i>        | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br><i>Time of starting to be affiliated person</i> | Thời điểm không còn là người có liên quan<br><i>Time of ending to be affiliated person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty/<br><i>Relationship with the Company</i>             |
|------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
|      |                                                                |                                                                                        |                                                                          | Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Khánh Hòa                                          |                                                               |                                                                                            |                                                                                            |                         | <i>Affiliated person with the Company</i>                                              |
| 18.1 | Nguyễn Quốc Việt                                               |                                                                                        | Chủ tịch Công ty con gián tiếp<br><i>Chairman Indirect of Subsidiary</i> |                                                                                   |                                                               |                                                                                            |                                                                                            |                         | <i>Người đại diện pháp luật của Công ty con Legal representative of the Subsidiary</i> |
| 19   | Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa                           |                                                                                        | Công ty con gián tiếp<br><i>Indirect of Subsidiary</i>                   | 4201575358<br>Ngày cấp: 17/09/2019<br>Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Khánh Hòa    | Thôn Phước Lâm, Xã Ninh Xuân, Thị xã Ninh Hòa, Tỉnh Khánh Hòa |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty<br><i>Affiliated person with the Company</i>            |
| 19.1 | Nguyễn Quốc Việt                                               |                                                                                        | Chủ tịch Công ty con gián tiếp<br><i>Chairman Indirect of Subsidiary</i> |                                                                                   |                                                               |                                                                                            |                                                                                            |                         | <i>Người đại diện pháp luật của Công ty con Legal representative of the Subsidiary</i> |
| 20   | Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Gia Lai                            |                                                                                        | Công ty con gián tiếp<br><i>Indirect of Subsidiary</i>                   | 5900974477<br>Ngày cấp: 28/09/2020                                                | 561 Trần Hưng Đạo, Phường Cheo Reo,                           |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty                                                         |

| STT  | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/ individual</i> | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the Company (if any)</i>  | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH<br><i>No.*, date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i>                          | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br><i>Time of starting to be affiliated person</i> | Thời điểm không còn là người có liên quan<br><i>Time of ending to be affiliated person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty/<br><i>Relationship with the Company</i>             |
|------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
|      |                                                                |                                                                                        |                                                                          | Nơi cấp: Sở kế hoạch và đầu tư Gia Lai                                            | Thị xã Ayun Pa, Tỉnh Gia Lai                                                    |                                                                                            |                                                                                            |                         | <i>Affiliated person with the Company</i>                                              |
| 20.1 | Vũ Thị Lan                                                     |                                                                                        | Chủ tịch Công ty con gián tiếp<br><i>Chairman Indirect of Subsidiary</i> |                                                                                   |                                                                                 |                                                                                            |                                                                                            |                         | <i>Người đại diện pháp luật của Công ty con Legal representative of the Subsidiary</i> |
| 21   | Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa - Phan Rang                     |                                                                                        | Công ty con gián tiếp<br><i>Indirect of Subsidiary</i>                   | 4500138596<br>Ngày cấp: 15/10/2020<br>Nơi cấp: Sở kế hoạch và đầu tư Ninh Thuận   | Số 160 Bác Ái, Phường Đô Vinh, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty<br><i>Affiliated person with the Company</i>            |
| 21.1 | Nguyễn Quốc Việt                                               |                                                                                        | Chủ tịch Công ty con gián tiếp<br><i>Chairman Indirect of Subsidiary</i> |                                                                                   |                                                                                 |                                                                                            |                                                                                            |                         | <i>Người đại diện pháp luật của Công ty con Legal representative of the Subsidiary</i> |

| STT  | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i> | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the Company (if any)</i>  | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH<br><i>No.*, date of issue, place of issue</i>          | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i>               | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br><i>Time of starting to be affiliated person</i> | Thời điểm không còn là người có liên quan<br><i>Time of ending to be affiliated person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty/<br><i>Relationship with the Company</i>                |
|------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| 22   | Công ty Cổ phần Biên Hòa - Thành Long                         |                                                                                        | Công ty con gián tiếp<br><i>Indirect of Subsidiary</i>                   | 3900854955<br>Ngày cấp: 25/05/2021<br>Nơi cấp: Sở kế hoạch và đầu tư Tây Ninh              | Tổ 4, Ấp Nam Bến Sỏi, Xã Thành Long, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty<br><i>Affiliated person with the Company</i>               |
| 22.1 | Nguyễn Thành Khiêm                                            |                                                                                        | Chủ tịch Công ty con gián tiếp<br><i>Chairman Indirect of Subsidiary</i> |                                                                                            |                                                                      |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người đại diện pháp luật của Công ty con<br><i>Legal representative of the Subsidiary</i> |
| 23   | Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Biên Hòa            |                                                                                        | Công ty con gián tiếp<br><i>Indirect of Subsidiary</i>                   | 0313733213<br>Ngày cấp: 28/06/2021<br>Nơi cấp: Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh | 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh    |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty<br><i>Affiliated person with the Company</i>               |
| 23.1 | Nguyễn Thanh Ngử                                              |                                                                                        | Chủ tịch Công ty con gián tiếp<br><i>Chairman Indirect of Subsidiary</i> |                                                                                            |                                                                      |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người đại diện pháp luật của Công ty con<br><i>Legal representative of the Subsidiary</i> |

| STT  | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i> | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the Company (if any)</i>  | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH<br><i>No.*, date of issue, place of issue</i>                                  | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i>             | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br><i>Time of starting to be affiliated person</i> | Thời điểm không còn là người có liên quan<br><i>Time of ending to be affiliated person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty/<br><i>Relationship with the Company</i>                |
|------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| 24   | Công ty TNHH Mía Đường TTC Attapeu                            |                                                                                        | Công ty con gián tiếp<br><i>Indirect of Subsidiary</i>                   | 5900764381<br>Ngày cấp: 25/11/2021<br>Nơi cấp: Sở kế hoạch và đầu tư Gia Lai                                       | 114, Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty<br><i>Affiliated person with the Company</i>               |
| 24.1 | Vũ Thị Lan                                                    |                                                                                        | Chủ tịch Công ty con gián tiếp<br><i>Chairman Indirect of Subsidiary</i> |                                                                                                                    |                                                                    |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người đại diện pháp luật của Công ty con<br><i>Legal representative of the Subsidiary</i> |
| 25   | Công ty TNHH MTV Mía Đường TTC Attapeu                        |                                                                                        | Công ty con gián tiếp<br><i>Indirect of Subsidiary</i>                   | 01-00018240<br>Ngày cấp: 21/11/2022<br>Nơi cấp: Cục Đăng ký và Quản lý DN, Bộ Công Nghiệp và thương mại CHDCND Lào | Tỉnh Attapeu, CHDCND Lào                                           |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty<br><i>Affiliated person with the Company</i>               |
| 25.1 | Phạm Tấn Hiền                                                 |                                                                                        |                                                                          |                                                                                                                    |                                                                    |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người đại diện pháp luật của Công ty con<br><i>Legal</i>                                  |

| STT  | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/ individual</i> | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the Company (if any)</i>  | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH<br><i>No.*, date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i>                        | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br><i>Time of starting to be affiliated person</i> | Thời điểm không còn là người có liên quan<br><i>Time of ending to be affiliated person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty/<br><i>Relationship with the Company</i>                |
|------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
|      |                                                                |                                                                                        |                                                                          |                                                                                   |                                                                               |                                                                                            |                                                                                            |                         | <i>representative of the Subsidiary</i>                                                   |
| 26   | Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung                            |                                                                                        | Công ty con gián tiếp<br><i>Indirect of Subsidiary</i>                   | 4200360695<br>Ngày cấp: 20/01/2022<br>Nơi cấp: Sở Kế hoạch và đầu tư Khánh Hòa    | Lam Sơn, Xã Ninh Sim, Thị xã Ninh Hòa,<br>Tỉnh Khánh Hòa                      |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty<br><i>Affiliated person with the Company</i>               |
| 26.1 | Thái Tiến Dũng                                                 |                                                                                        | Chủ tịch Công ty con gián tiếp<br><i>Chairman Indirect of Subsidiary</i> |                                                                                   |                                                                               |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người đại diện pháp luật của Công ty con<br><i>Legal representative of the Subsidiary</i> |
| 27   | Công ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Biên Hòa (BHC)                  |                                                                                        | Công ty con trực tiếp<br><i>Direct of Subsidiary</i>                     | 3600495818<br>Ngày cấp: 19/10/2021<br>Nơi cấp: Sở kế hoạch và đầu tư Đồng Nai     | Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty<br><i>Affiliated person with the Company</i>               |
| 27.1 | Đặng Huỳnh Ước My                                              |                                                                                        | Chủ tịch Công ty con trực tiếp<br><i>Chairman Direct of Subsidiary</i>   |                                                                                   |                                                                               |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người đại diện pháp luật của Công ty con<br><i>Legal representative of the Subsidiary</i> |

| STT  | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/ individual</i> | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the Company (if any)</i>  | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH<br><i>No.*, date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i>        | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br><i>Time of starting to be affiliated person</i> | Thời điểm không còn là người có liên quan<br><i>Time of ending to be affiliated person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty/<br><i>Relationship with the Company</i>                |
|------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
| 28   | Công ty Cổ Phần Mía Đường Tây Ninh                             |                                                                                        | Công ty con trực tiếp<br><i>Direct of Subsidiary</i>                     | 3900243272<br>Ngày cấp: 26/08/2019<br>Nơi cấp: Sở kế hoạch và đầu tư Tây Ninh     | Số 19 Võ Thị Sáu, Phường 3, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty<br><i>Affiliated person with the Company</i>               |
| 28.1 | Nguyễn Thanh Ngử                                               |                                                                                        | Chủ tịch Công ty con trực tiếp<br><i>Chairman Direct of Subsidiary</i>   |                                                                                   |                                                               |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người đại diện pháp luật của Công ty con<br><i>Legal representative of the Subsidiary</i> |
| 29   | Công ty Cổ Phần Cao Su Nước Trong                              |                                                                                        | Công ty con gián tiếp<br><i>Indirect of Subsidiary</i>                   | 3900441108<br>Ngày cấp: 15/11/2022<br>Nơi cấp: Sở kế hoạch và đầu tư Tây Ninh     | Tổ 3, Ấp Tân Dung, Xã Tân Hà, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh   |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty<br><i>Affiliated person with the Company</i>               |
| 29.1 | Nguyễn Thanh Ngử                                               |                                                                                        | Chủ tịch Công ty con gián tiếp<br><i>Chairman Indirect of Subsidiary</i> |                                                                                   |                                                               |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người đại diện pháp luật của Công ty con<br><i>Legal representative of the Subsidiary</i> |
| 30   | Global Mind Australia Pty. Ltd                                 |                                                                                        | Công ty con gián tiếp<br><i>Indirect of Subsidiary</i>                   | ACN 631909405<br>Ngày cấp: 24/02/2022                                             | Australia                                                     |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty                                                            |

| STT | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i> | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)<br><i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có)<br><i>Position at the Company (if any)</i> | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH<br><i>No. *, date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i> | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan<br><i>Time of starting to be affiliated person</i> | Thời điểm không còn là người có liên quan<br><i>Time of ending to be affiliated person</i> | Lý do<br><i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty/<br><i>Relationship with the Company</i>  |
|-----|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                               |                                                                                        |                                                                         | Nơi cấp: Ủy ban Đầu tư và Chứng khoán Úc                                           |                                                        |                                                                                            |                                                                                            |                         | <i>Affiliated person with the Company</i>                                   |
| 31  | Global Mind Agriculture PTE.LTD                               |                                                                                        | Công ty con gián tiếp<br><i>Indirect of Subsidiary</i>                  | 201128745C<br>Ngày cấp: 25/08/2022<br>Nơi cấp: Singapore                           | <i>Singapore</i>                                       |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty<br><i>Affiliated person with the Company</i> |
| 32  | TSU Australia Pty. Ltd                                        |                                                                                        | Công ty con trực tiếp<br><i>Direct of Subsidiary</i>                    | ACN 658481264<br>Ngày cấp: 29/08/2022<br>Nơi cấp: Ủy ban Đầu tư và Chứng khoán Úc  | <i>Australia</i>                                       |                                                                                            |                                                                                            |                         | Người có liên quan với Công ty<br><i>Affiliated person with the Company</i> |

**PHỤ LỤC 02/ APPENDIX 02**

**GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY, HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ,  
NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ/ TRANSACTIONS BETWEEN THE COMPANY AND ITS AFFILIATED PERSONS OR BETWEEN  
THE COMPANY AND ITS MAJOR SHAREHOLDERS, INTERNAL PERSONS AND AFFILIATED PERSONS**

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty<br><i>Relationship with the Company</i> | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp<br><i>NSH No.*, date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i>                       | Thời điểm giao dịch với công ty<br><i>Time of transactions with the Company</i> | Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)<br><i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/Board of Directors(if any, specifying date of issue)</i> | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/<br><i>Content, quantity, total value of transaction</i>                                                                                                                                                                                           | Ghi chú<br><i>Note</i> |
|------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1.         | Công ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dừng Biên Hòa                       | Công ty con                                                               | 3600495818<br>Ngày cấp: 19/10/2021<br>Nơi cấp: Sở kế hoạch và đầu tư Đồng Nai     | Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai | 6 tháng<br>Niên độ 22-23                                                        |                                                                                                                                                                                                                               | Mua hàng hóa. tài sản. nguyên vật liệu: 993.452.391.930<br>Bán hàng hóa. thành phẩm: 328.780.091.188<br>Mua dịch vụ: 2.966.453.742<br>Cung cấp dịch vụ: 1.734.661.064<br>Thu chi hộ: 3.233.983.104<br>Cho vay: 512.000.000.000<br>Thu cho vay: 515.937.054.225<br>Thu nhập lãi: 3.577.882.452 |                        |
| 2.         | Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai                     | Công ty con                                                               | 5900421955<br>Ngày cấp: 05/06/2020<br>Nơi cấp: Sở Kế hoạch và                     | 561 Trần Hưng Đạo, Phường Cheo Reo, Thị xã Ayunpa Tỉnh Gia Lai                | 6 tháng<br>Niên độ 22-23                                                        |                                                                                                                                                                                                                               | Chi phí lãi: 9.361.301.371<br>Trả nợ vay: 362.900.000.000<br>Vay: 555.000.000.000<br>Chi hộ: 592.781.140<br>Mua hàng hóa: 187.768.034.132                                                                                                                                                     |                        |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty<br><i>Relationship with the Company</i> | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp<br><i>NSH No.*, date of issue, place of issue</i>                                  | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i>            | Thời điểm giao dịch với công ty<br><i>Time of transactions with the Company</i> | Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)<br><i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/Board of Directors(if any, specifying date of issue)</i> | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/<br><i>Content, quantity, total value of transaction</i>                                                                              | Ghi chú<br><i>Note</i> |
|------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
|            |                                                               |                                                                           | Đầu tư Tỉnh Gia Lai                                                                                                |                                                                    |                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                               | Bán hàng hóa: 630.924.690                                                                                                                                                        |                        |
| 3.         | Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu                            | Công ty con                                                               | 5900764381<br>Ngày cấp: 25/11/2021<br>Nơi cấp: Sở kế hoạch và đầu tư Gia Lai                                       | 114, Trường Chinh, Phường Phù Đồng, Thành Phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai | 6 tháng Niên độ 22-23                                                           |                                                                                                                                                                                                                               | Chi hộ: 16.409.166<br>Thu nhập lãi: 2.230.291.095                                                                                                                                |                        |
| 4.         | Công ty TNHH MTV Mía đường TTC Attapeu                        | Công ty con gián tiếp                                                     | 01-00018240<br>Ngày cấp: 22/07/2021<br>Nơi cấp: Cục Đăng ký và Quản lý DN, Bộ Công Nghiệp và thương mại CHDCNC Lào | Tỉnh Attapeu, CHDCND Lào                                           | 6 tháng Niên độ 22-23                                                           |                                                                                                                                                                                                                               | Bán hàng hóa: 27.410.547.274<br>Chi hộ: 799.306.652<br>Lỗ chênh lệch tỷ giá: 7.523.396.284<br>Chi phí lãi: 319.670.126<br>Thu nhập lãi: 5.638.462.330<br>Thu chi hộ: 566.116.245 |                        |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty<br><i>Relationship with the Company</i> | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp<br><i>NSH No.*, date of issue, place of issue</i>   | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i>       | Thời điểm giao dịch với công ty<br><i>Time of transactions with the Company</i> | Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)<br><i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/Board of Directors(if any, specifying date of issue)</i> | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/<br><i>Content, quantity, total value of transaction</i>                                                              | Ghi chú<br><i>Note</i> |
|------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 5.         | Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa – Ninh Hòa                    | Công ty con gián tiếp                                                     | 4200636590<br>Ngày cấp: 10/01/2022<br>Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa | Thôn Phước Lâm, xã Ninh Xuân, Thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa | 6 tháng<br>Niên độ 22-23                                                        |                                                                                                                                                                                                                               | Mua hàng hóa: 118.251.312.548<br>Thu nhập lãi: 7.576.567.764                                                                                                     |                        |
| 6.         | Công ty Cổ phần Đường Nước Trong                              | Công ty con                                                               | 3900243272-005<br>Ngày cấp: 30/12/2020<br>Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tây Ninh   | Ấp Hội An, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh          |                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                               | Chi phí lãi vay: 162.575.343<br>Chi hộ: 137.946.210                                                                                                              |                        |
| 7.         | Global Mind Commodities Trading Pte. Ltd                      | Công ty con gián tiếp                                                     | 201128745C<br>Ngày cấp: 05/06/2017<br>Nơi cấp: Cơ quan quản lý doanh nghiệp và kế   | Singapore                                                     | 6 tháng<br>Niên độ 22-23                                                        |                                                                                                                                                                                                                               | Mua nguyên liệu, hàng hóa: 1.761.005.473.500<br>Lãi/lỗ tỷ giá: 171.426.764<br>Mua dịch vụ: 5.716.805.645<br>Bán hàng hóa: 372.866.160.219<br>Chi hộ: 137.426.769 |                        |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty<br><i>Relationship with the Company</i> | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp<br><i>NSH No.*, date of issue, place of issue</i>  | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i>      | Thời điểm giao dịch với công ty<br><i>Time of transactions with the Company</i> | Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)<br><i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/Board of Directors(if any, specifying date of issue)</i> | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/<br><i>Content, quantity, total value of transaction</i>                                       | Ghi chú<br><i>Note</i> |
|------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
|            |                                                               |                                                                           | toán Singapore                                                                     |                                                              |                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                           |                        |
| 8.         | Công ty TNHH MTV Nước Miaqua                                  | Công ty con gián tiếp                                                     | 3901241327<br>Ngày cấp: 16/03/2022<br>Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh | Tổ 2, Ấp Tân Lợi, xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh | 6 tháng Niên độ 22-23                                                           |                                                                                                                                                                                                                               | Cung cấp dịch vụ: 2.705.748.587<br>Mua hàng hóa: 143.935.857<br>Thu nhập lãi: 140.883.563<br>Chi hộ: 36.920.625                           |                        |
| 9.         | Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Thành Công             | Công ty con                                                               | 3901183393<br>Ngày cấp: 26/12/2021<br>Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh | Tổ 2, Ấp Tân Lợi, xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh | 6 tháng Niên độ 22-23                                                           |                                                                                                                                                                                                                               | Trả nợ vay: 5.000.000.000<br>Cho vay: 37.000.000.000<br>Mua hàng hóa: 7.243.592.572<br>Thu nhập lãi: 1.446.543.013<br>Chi hộ: 176.398.540 |                        |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i>     | Mối quan hệ liên quan với công ty<br><i>Relationship with the Company</i> | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp<br><i>NSH No.*, date of issue, place of issue</i>          | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i>           | Thời điểm giao dịch với công ty<br><i>Time of transactions with the Company</i> | Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)<br><i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/Board of Directors(if any, specifying date of issue)</i> | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/<br><i>Content, quantity, total value of transaction</i>                                                                                                                          | Ghi chú<br><i>Note</i> |
|------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 10.        | Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công                           | Cổ đông lớn                                                               | 0301466073<br>Ngày cấp: 10/01/2019<br>Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh | 253 Hoàng Văn Thụ, phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh | 6 tháng<br>Niên độ 22-236 tháng<br>Niên độ 22-23                                |                                                                                                                                                                                                                               | Bán hàng hóa: 93.384.460.216<br>Mua dịch vụ: 11.250.000.000<br>Thu nhập lãi: 5.569.381.525<br>Mua tài sản: 2.238.061.984                                                                                                     |                        |
| 11.        | Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công | Công ty con                                                               | 3901162964<br>Ngày cấp: 31/03/2022<br>Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh         | 99 ấp Bình Hòa, xã Thái Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh     | 6 tháng<br>Niên độ 22-23                                                        |                                                                                                                                                                                                                               | Cho vay: 5.000.000.000<br>Bán hàng hóa: 46.326.000<br>Mua hàng hóa, nguyên liệu: 5.143.229.173<br>Thu chi hộ: 2.583.520.436<br>Mua dịch vụ: 1.400.586.895<br>Thu hồi gốc vay: 8.000.000.000<br>Thu nhập lãi vay: 193.356.163 |                        |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty<br><i>Relationship with the Company</i> | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp<br><i>NSH No.*, date of issue, place of issue</i>  | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i>       | Thời điểm giao dịch với công ty<br><i>Time of transactions with the Company</i> | Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)<br><i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/Board of Directors(if any, specifying date of issue)</i> | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/<br><i>Content, quantity, total value of transaction</i> | Ghi chú<br><i>Note</i> |
|------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 12.        | Công ty TNHH MTV Thành Công Xanh                              | Công ty con                                                               | 3901299687<br>Ngày cấp: 19/06/2020<br>Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh | Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh                                 | 6 tháng<br>Niên độ 22-23                                                        |                                                                                                                                                                                                                               | Thu nhập lãi: 209.876.711<br>Thu hồi cho vay: 600.000.000                                           |                        |
| 13.        | Công ty TNHH MTV Đầu tư Nông nghiệp Thành Công                | Công ty con                                                               | 3901300269<br>Ngày cấp: 13/07/2021<br>Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh | Tổ 2, Ấp Tân Lợi, xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh  | 6 tháng<br>Niên độ 22-23                                                        |                                                                                                                                                                                                                               | Thu nhập lãi: 218.530.138<br>Thu cho vay: 600.000.000                                               |                        |
| 14.        | Công ty Cổ Phần Mía đường Tây Ninh                            | Công ty con                                                               | 3900243272<br>Ngày cấp: 26/08/2019<br>Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh | Số 19 Võ Thị Sáu, phường 3, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh | 6 tháng<br>Niên độ 22-23                                                        |                                                                                                                                                                                                                               | Mua dịch vụ: 253.689.900<br>Mua hàng hóa: 58.775.000                                                |                        |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty<br><i>Relationship with the Company</i> | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp<br><i>NSH No.*, date of issue, place of issue</i>  | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i>                                                       | Thời điểm giao dịch với công ty<br><i>Time of transactions with the Company</i> | Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)<br><i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/Board of Directors(if any, specifying date of issue)</i> | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/<br><i>Content, quantity, total value of transaction</i>                                         | Ghi chú<br><i>Note</i> |
|------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 15.        | Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre                        | Tổ chức có liên quan của người nội bộ                                     | 1300104040<br>Ngày cấp: 26/05/2006                                                 | Lô K, CCN-TTCN Phong Năm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre                                                      | 6 tháng<br>Niên độ 22-23                                                        |                                                                                                                                                                                                                               | Bán hàng hóa: 2.725.860.000                                                                                                                 |                        |
| 16.        | Công ty TNHH MTV Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ TTC An Hòa       | Công ty con                                                               | 3901299013<br>Ngày cấp: 03/06/2020<br>Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh | Lô B3, 3B, đường D11, Lô B4, đường DB2, KCN Thành Thành Công, Phường An Hòa, Thị Xã Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh | 6 tháng<br>Niên độ 22-23                                                        |                                                                                                                                                                                                                               | Thu nhập lãi: 4.093.778.082                                                                                                                 |                        |
| 17.        | Công ty Cổ Phần Đường Biên Hòa-Phan Rang                      | Công ty con                                                               | 4500138596<br>Ngày cấp: 15/10/2020<br>Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Ninh Thuận    | Số 160, Bắc Ái, Phường Đô Vinh, Tp. Phan Rang- Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận                                     | 6 tháng<br>Niên độ 22-23                                                        |                                                                                                                                                                                                                               | Mua hàng hóa: 12.320.000.000<br>Chi phí lãi vay: 33.493.151<br>Thu chi hộ: 309.723.018<br>Thu nhập lãi: 4.520.548<br>Cho vay: 2.000.000.000 |                        |

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br><i>Name of organization/individual</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty<br><i>Relationship with the Company</i> | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp<br><i>NSH No.*, date of issue, place of issue</i>  | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br><i>Address</i>       | Thời điểm giao dịch với công ty<br><i>Time of transactions with the Company</i> | Số Nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)<br><i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/Board of Directors(if any, specifying date of issue)</i> | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/<br><i>Content, quantity, total value of transaction</i> | Ghi chú<br><i>Note</i> |
|------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
|            |                                                               |                                                                           |                                                                                    |                                                               |                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                               | Nhận nợ vay: 10.000.000.000<br>Trả nợ vay: 10.000.000.000<br>Thu cho vay: 1.000.000.000             |                        |
| 18.        | Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Xanh Thành Công                  | Công ty con                                                               | 3901300300<br>Ngày cấp: 06/07/2021<br>Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tây Ninh      | Tổ 2, Ấp Tân Lợi, Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh  | 6 tháng Niên độ 22-23                                                           |                                                                                                                                                                                                                               | Thu nhập lãi: 211.224.657<br>Thu cho vay: 600.000.000                                               |                        |
| 19.        | Công ty TNHH Hải Vi                                           | Công ty con                                                               | 3900244283<br>Ngày cấp: 28/08/2020<br>Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh | Ấp Thành Đông, xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh | 6 tháng Niên độ 22-23                                                           |                                                                                                                                                                                                                               | Mua nguyên liệu: 3.084.047.588                                                                      |                        |

| STT<br>No. | Tên tổ<br>chức/cá nhân<br><i>Name of<br/>organization/i<br/>ndividual</i> | Mối quan<br>hệ liên<br>quan với<br>công ty<br><i>Relationsh<br/>ip with the<br/>Company</i> | Số Giấy<br>NSH*, ngày<br>cấp, nơi<br>cấp<br><i>NSH No.*,<br/>date of<br/>issue, place<br/>of issue</i> | Địa chỉ trụ sở<br>chính/ Địa chỉ<br>liên hệ<br><i>Address</i>            | Thời điểm<br>giao dịch<br>với công<br>ty<br><i>Time<br/>of transact<br/>ionswith<br/>the<br/>Company</i> | Số Nghị quyết/Quyết định<br>của ĐHĐCĐ/HĐQT... thông<br>qua (nếu có, nêu rõ ngày<br>ban hành)<br><i>Resolution No. or Decision<br/>No. approved by General<br/>Meeting<br/>of Shareholders/Board of<br/>Directors(if any, specifying<br/>date of issue)</i> | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao<br>dịch/<br><i>Content, quantity, total value of<br/>transaction</i> | Ghi<br>chú<br><i>Note</i> |
|------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
| 20.        | Công ty TNHH<br>MTV Ý tưởng<br>xanh Thành<br>Công                         | Công ty<br>con                                                                              | 3901302932<br><br>Ngày cấp:<br>25/08/2020<br><br>Nơi cấp: Sở<br>Kế hoạch và<br>Đầu tư Tỉnh<br>Tây Ninh | Tổ 2, Ấp Tân<br>Lợi, xã Tân<br>Hưng, huyện<br>Tân Châu, tỉnh<br>Tây Ninh | 6 tháng<br>Niên độ 22-<br>23                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                            | Thu nhập lãi: 52.931.506                                                                                   |                           |

**PHỤ LỤC 03/ APPENDIX 03**

**DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ CÔNG TY/ THE LIST OF INTERNAL PERSONS AND THEIR AFFILITATED PERSONS**

| STT<br>No.                                                                                                     | Họ tên<br>Name             | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán (nếu<br>có)<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu có)<br>Position at the<br>company (if<br>any) | Số CMND /Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport<br>No., date of issue,<br>place of issue | Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu sở<br>hữu cuối kỳ<br>Number of<br>shares owned<br>at the end of the<br>period | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối kỳ<br>Percentage of<br>share ownership<br>at the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| <b>I. Hội đồng quản trị và Người có liên quan của HĐQT/The Board of Directors and their affiliated persons</b> |                            |                                                                                          |                                                                              |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| <b>1</b>                                                                                                       | <b>Huỳnh Bích Ngọc</b>     |                                                                                          | <b>Chủ tịch HĐQT<br/>Chairwoman of<br/>the Board of<br/>Directors</b>        |                                                                                                          |                            | <b>76,605,185</b>                                                                         | <b>11,02%</b>                                                                                       |                 |
| Người có liên quan của Bà Huỳnh Bích Ngọc/ the affiliated persons of Mrs Huynh Bích Ngọc:                      |                            |                                                                                          |                                                                              |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 1.1                                                                                                            | Đặng Văn Thành             |                                                                                          | Chồng                                                                        |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 1.2                                                                                                            | Đặng Huỳnh Úc My           |                                                                                          | Con (Phó Chủ<br>tịch HĐQT)                                                   |                                                                                                          |                            | 112,147,115                                                                               | 16,14%                                                                                              |                 |
| 1.3                                                                                                            | Đặng Hồng Anh              |                                                                                          | Con                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 1.4                                                                                                            | Đặng Huỳnh Anh<br>Tuấn     |                                                                                          | Con                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 1.5                                                                                                            | Đặng Huỳnh Thái<br>Sơn     |                                                                                          | Con                                                                          |                                                                                                          |                            | 107.000                                                                                   | 0,015%                                                                                              |                 |
| 1.6                                                                                                            | Huỳnh Văn Ngà              |                                                                                          | Em ruột                                                                      |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 1.7                                                                                                            | Hồ Thị Phương<br>Thảo      |                                                                                          | Con dâu                                                                      |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 1.8                                                                                                            | Trương Hồng Quân           |                                                                                          | Con rể                                                                       |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 1.9                                                                                                            | Trịnh Nguyễn Thùy<br>Trang |                                                                                          | Con dâu                                                                      |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |

| STT<br>No.                                                                                   | Họ tên<br>Name                                | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán (nếu<br>có)<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu có)<br>Position at the<br>company (if<br>any)                   | Số CMND /Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport<br>No., date of issue,<br>place of issue | Địa chỉ liên hệ<br>Address                                                    | Số cổ phiếu sở<br>hữu cuối kỳ<br>Number of<br>shares owned<br>at the end of the<br>period | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối kỳ<br>Percentage of<br>share ownership<br>at the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1.10                                                                                         | Công ty Cổ phần<br>Đầu tư Thành Thành<br>Công |                                                                                          | Tổ chức có liên<br>quan với người<br>nội bộ<br>Organizations<br>related to<br>internal persons | 0301466073<br>Ngày cấp: 25/07/2007<br>Nơi cấp: Sở Kế hoạch<br>và Đầu tư Thành phố Hồ<br>Chí Minh         | 253 Hoàng Văn<br>Thụ, Phường 2,<br>Quận Tân Bình,<br>Thành phố Hồ Chí<br>Minh | 179.783.497                                                                               | 25,87%                                                                                              |                 |
| 2                                                                                            | Đặng Huỳnh Ước My                             |                                                                                          | <b>Phó Chủ tịch<br/>HĐQT<br/>Vice<br/>Chairwoman of<br/>the Board of<br/>Directors</b>         |                                                                                                          |                                                                               | <b>112,147,115</b>                                                                        | <b>16,14%</b>                                                                                       |                 |
| Người có liên quan của Bà Đặng Huỳnh Ước My/ The affiliated persons of Mrs Dang Huynh Uc My: |                                               |                                                                                          |                                                                                                |                                                                                                          |                                                                               |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 2.1                                                                                          | Đặng Văn Thành                                |                                                                                          | Cha                                                                                            |                                                                                                          |                                                                               |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 2.2                                                                                          | Huỳnh Bích Ngọc                               |                                                                                          | Mẹ (Chủ tịch<br>HĐQT)                                                                          |                                                                                                          |                                                                               | 76,605,185                                                                                | 11,02%                                                                                              |                 |
| 2.3                                                                                          | Trương Hồng Quân                              |                                                                                          | Chồng                                                                                          |                                                                                                          |                                                                               |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 2.4                                                                                          | Đặng Hồng Anh                                 |                                                                                          | Anh                                                                                            |                                                                                                          |                                                                               |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 2.5                                                                                          | Hồ Thị Phương<br>Thảo                         |                                                                                          | Chị dâu                                                                                        |                                                                                                          |                                                                               |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 2.6                                                                                          | Đặng Huỳnh Anh<br>Tuấn                        |                                                                                          | Em                                                                                             |                                                                                                          |                                                                               |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 2.7                                                                                          | Trịnh Nguyễn Thùy<br>Trang                    |                                                                                          | Em dâu                                                                                         |                                                                                                          |                                                                               |                                                                                           |                                                                                                     |                 |

| STT<br>No.                                                                                 | Họ tên<br>Name                                                           | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán (nếu<br>có)<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu có)<br>Position at the<br>company (if<br>any)                   | Số CMND /Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport<br>No., date of issue,<br>place of issue | Địa chỉ liên hệ<br>Address                                                    | Số cổ phiếu sở<br>hữu cuối kỳ<br>Number of<br>shares owned<br>at the end of the<br>period | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối kỳ<br>Percentage of<br>share ownership<br>at the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 2.8                                                                                        | Đặng Huỳnh Thái<br>Sơn                                                   |                                                                                          | Em                                                                                             |                                                                                                          |                                                                               | 107.000                                                                                   | 0,015%                                                                                              |                 |
| 2.9                                                                                        | Công ty Cổ phần<br>Xuất nhập khẩu Bến<br>Tre                             |                                                                                          | Tổ chức có liên<br>quan của người<br>nội bộ<br>Organizations<br>related to<br>internal persons | 1300104040<br>Ngày cấp/ Date of issue:<br>26/05/2006                                                     | Lô K, CCN-TTCN<br>Phong Năm,<br>Huyện Giồng<br>Trôm, Tỉnh Bến<br>Tre          |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 2.10                                                                                       | Công ty Cổ phần<br>Phát triển Nông<br>nghiệp Thành Thành<br>Công (TTCAD) |                                                                                          | Tổ chức có liên<br>quan của người<br>nội bộ<br>Organizations<br>related to<br>internal persons | 3901183393<br>Ngày cấp: 28/09/2022<br>Nơi cấp: Sở Kế hoạch và<br>Đầu tư Tỉnh Tây Ninh                    | Tổ 2, Ấp Tân Lợi,<br>Xã Tân Hưng,<br>Huyện Tân Châu,<br>Tỉnh Tây Ninh         |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 2.10                                                                                       | Công ty Cổ Phần<br>Hàng Tiêu Dùng<br>Biên Hòa (BHC)                      |                                                                                          | Tổ chức có liên<br>quan của người<br>nội bộ<br>Organizations<br>related to<br>internal persons | 3600495818<br>Ngày cấp: 19/10/2021<br>Nơi cấp: Sở kế hoạch và<br>đầu tư Đồng Nai                         | KCN Biên Hòa 1,<br>Phường An Bình,<br>Thành phố Biên<br>Hòa, Tỉnh Đồng<br>Nai |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 3                                                                                          | Hoàng Mạnh Tiến                                                          |                                                                                          | Thành viên<br>độc lập HĐQT<br>Independent<br>member of the<br>Board of<br>Directors            |                                                                                                          |                                                                               | 1.688.900                                                                                 | 0,26%                                                                                               |                 |
| Người có liên quan của Ông Hoàng Mạnh Tiến/ the affiliated persons of Mr. Hoang Manh Tien: |                                                                          |                                                                                          |                                                                                                |                                                                                                          |                                                                               |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 3.1                                                                                        | Hoàng Văn Lộc                                                            |                                                                                          | Bố đẻ                                                                                          |                                                                                                          |                                                                               |                                                                                           |                                                                                                     |                 |

| STT<br>No.                                                                         | Họ tên<br>Name          | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán (nếu<br>có)<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu có)<br>Position at the<br>company (if<br>any)                    | Số CMND /Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport<br>No., date of issue,<br>place of issue | Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu sở<br>hữu cuối kỳ<br>Number of<br>shares owned<br>at the end of the<br>period | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối kỳ<br>Percentage of<br>share ownership<br>at the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note |
|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 3.2                                                                                | Nguyễn Thị Kim<br>Dung  |                                                                                          | Mẹ đẻ                                                                                           |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 3.3                                                                                | Hoàng Diễm Trang        |                                                                                          | Em ruột                                                                                         |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 3.4                                                                                | Hoàng Vũ Nguyên         |                                                                                          | Em ruột                                                                                         |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 3.5                                                                                | Hoàng Thuý Anh          |                                                                                          | Em ruột                                                                                         |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 3.6                                                                                | Hoàng Thị Hồng<br>Trang |                                                                                          | Em ruột                                                                                         |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 3.7                                                                                | Hoàng Tuyết Anh         |                                                                                          | Em ruột                                                                                         |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 3.8                                                                                | Phan Phụng Khánh        |                                                                                          | Vợ                                                                                              |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 3.9                                                                                | Hoàng Minh Khôi         |                                                                                          | Con đẻ                                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 3.10                                                                               | Phan Ngọc Mỹ            |                                                                                          | Mẹ vợ                                                                                           |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 4                                                                                  | Võ Thúy Anh             |                                                                                          | <b>Thành viên<br/>độc lập HĐQT<br/>Independent<br/>member of the<br/>Board of<br/>Directors</b> |                                                                                                          |                            | 107.000                                                                                   | 0,015%                                                                                              |                 |
| Người có liên quan của Bà Võ Thúy Anh/ the affiliated persons of Mrs. Vo Thuy Anh: |                         |                                                                                          |                                                                                                 |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 4.1                                                                                | Lê Xuân Tùng            |                                                                                          | Chồng                                                                                           |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 4.2                                                                                | Lê Tùng Anh             |                                                                                          | Con                                                                                             |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 4.3                                                                                | Võ Kim Chi              |                                                                                          | Chị ruột                                                                                        |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 4.4                                                                                | Võ Hồng Thúy            |                                                                                          | Chị ruột                                                                                        |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 4.5                                                                                | Lê Quang Minh           |                                                                                          | Anh rể                                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 5                                                                                  | Võ Tòng Xuân            |                                                                                          | <b>Thành viên<br/>HĐQT<br/>Member of the</b>                                                    |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |

| STT<br>No.                                                                                         | Họ tên<br>Name                 | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán (nếu<br>có)<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu có)<br>Position at the<br>company (if<br>any)                    | Số CMND /Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport<br>No., date of issue,<br>place of issue | Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu sở<br>hữu cuối kỳ<br>Number of<br>shares owned<br>at the end of the<br>period | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối kỳ<br>Percentage of<br>share ownership<br>at the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|                                                                                                    |                                |                                                                                          | <b>Board of<br/>Directors</b>                                                                   |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| Người có liên quan của Ông Võ Tòng Xuân/ the affiliated persons of Mr. Vo Tong Xuan:               |                                |                                                                                          |                                                                                                 |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 5.1                                                                                                | Võ Hồng Thu                    |                                                                                          | Em trai                                                                                         |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 5.2                                                                                                | Võ Thị Hồng Liên               |                                                                                          | Em gái                                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 5.3                                                                                                | Võ Hồng Tâm                    |                                                                                          | Em trai                                                                                         |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 5.4                                                                                                | Võ Thị Hồng Hoa                |                                                                                          | Em gái                                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 5.5                                                                                                | Võ Thị Hồng Mai                |                                                                                          | Em gái                                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 5.6                                                                                                | Võ Tòng Anh                    |                                                                                          | Con trai                                                                                        |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 5.7                                                                                                | Võ Tòng Ngọc Diễm              |                                                                                          | Con gái                                                                                         |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 5.8                                                                                                | Võ Tòng Thanh<br>Phương        |                                                                                          | Con gái                                                                                         |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 6                                                                                                  | <b>Trần Trọng Gia<br/>Vinh</b> |                                                                                          | <b>Thành viên<br/>độc lập HĐQT<br/>Independent<br/>member of the<br/>Board of<br/>Directors</b> |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| Người có liên quan của Ông Trần Trọng Gia Vinh/ the affiliated persons of Mr. Tran Trong Gia Vinh: |                                |                                                                                          |                                                                                                 |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 6.1                                                                                                | Trần Trọng Thức                |                                                                                          | Cha                                                                                             |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |

| STT<br>No.                                                                             | Họ tên<br>Name           | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán (nếu<br>có)<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu có)<br>Position at the<br>company (if<br>any) | Số CMND /Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport<br>No., date of issue,<br>place of issue | Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu sở<br>hữu cuối kỳ<br>Number of<br>shares owned<br>at the end of the<br>period | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối kỳ<br>Percentage of<br>share ownership<br>at the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note |
|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 6.2                                                                                    | Nguyễn Thị Kim<br>Cường  |                                                                                          | Mẹ                                                                           |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 6.3                                                                                    | Trần Trọng Gia Minh      |                                                                                          | Con                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 6.4                                                                                    | Trần Trọng Gia Trí       |                                                                                          | Con                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 6.5                                                                                    | Trần Trọng Gia<br>Hưng   |                                                                                          | Con                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 6.6                                                                                    | Trần Phạm Xuân Vy        |                                                                                          | Con                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 6.7                                                                                    | Phạm Thị Xuân<br>Thanh   |                                                                                          | Vợ                                                                           |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 6.8                                                                                    | Phạm Văn Sên             |                                                                                          | Ba vợ                                                                        |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 6.9                                                                                    | Nguyễn Thị Xuân<br>Hương |                                                                                          | Mẹ vợ                                                                        |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 7                                                                                      | Trần Tấn Việt            |                                                                                          | <b>Thành viên<br/>HĐQT<br/>Member of the<br/>Board of<br/>Directors</b>      |                                                                                                          |                            | <b>127.330</b>                                                                            | <b>0,018%</b>                                                                                       |                 |
| Người có liên quan của ông Trần Tấn Việt/ The affiliated persons of Mr. Tran Tan Viet: |                          |                                                                                          |                                                                              |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 7.1                                                                                    | Phan Thị Hết             |                                                                                          | Mẹ ruột                                                                      |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 7.2                                                                                    | Trần Văn Phát            |                                                                                          | Anh ruột                                                                     |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |

| STT<br>No.                                                                                                        | Họ tên<br>Name          | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán (nếu<br>có)<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu có)<br>Position at the<br>company (if<br>any) | Số CMND /Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport<br>No., date of issue,<br>place of issue | Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu sở<br>hữu cuối kỳ<br>Number of<br>shares owned<br>at the end of the<br>period | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối kỳ<br>Percentage of<br>share ownership<br>at the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 7.3                                                                                                               | Trần Thị Tiếng          |                                                                                          | Chị ruột                                                                     |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 7.4                                                                                                               | Trần Thị Nam            |                                                                                          | Em ruột                                                                      |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 7.5                                                                                                               | Trần Văn Dũng           |                                                                                          | Em rể                                                                        |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 7.6                                                                                                               | Trần Văn Lạc            |                                                                                          | Em ruột                                                                      |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 7.7                                                                                                               | Nguyễn Thị Hồng         |                                                                                          | Em dâu                                                                       |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 7.8                                                                                                               | Phan Văn Hồng           |                                                                                          | Em ruột                                                                      |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 7.9                                                                                                               | Nguyễn Mộng Tiên        |                                                                                          | Em dâu                                                                       |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 7.10                                                                                                              | Phan Thị Nhung          |                                                                                          | Em ruột                                                                      |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 7.11                                                                                                              | Đào Tú Lan              |                                                                                          | Vợ                                                                           |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 7.12                                                                                                              | Trần Phương Quỳnh       |                                                                                          | Con                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 7.13                                                                                                              | Nguyễn Duy Chánh        |                                                                                          | Em rể                                                                        |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| <b>II. Ban Tổng Giám đốc và Người có liên quan của Ban TGD/ The Board of Manager and their affiliated persons</b> |                         |                                                                                          |                                                                              |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| <b>1</b>                                                                                                          | <b>Nguyễn Thanh Ngự</b> |                                                                                          | <b>Tổng Giám<br/>đốc<br/>CEO</b>                                             |                                                                                                          |                            | <b>5.186.415</b>                                                                          | <b>0,75%</b>                                                                                        |                 |
| Người có liên quan của ông Nguyễn Thanh Ngự/ the affiliated persons of Mr. Nguyen Thanh Ngu:                      |                         |                                                                                          |                                                                              |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 1.1                                                                                                               | Nguyễn Thị Huệ          |                                                                                          | Mẹ                                                                           |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 1.2                                                                                                               | Nguyễn Văn Ngoan        |                                                                                          | Anh                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Name                                           | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán (nếu<br>có)<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu có)<br>Position at the<br>company (if<br>any) | Số CMND /Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport<br>No., date of issue,<br>place of issue | Địa chỉ liên hệ<br>Address                                                     | Số cổ phiếu sở<br>hữu cuối kỳ<br>Number of<br>shares owned<br>at the end of the<br>period | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối kỳ<br>Percentage of<br>share ownership<br>at the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note |
|------------|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1.3        | Nguyễn Minh Điền                                         |                                                                                          | Anh                                                                          |                                                                                                          |                                                                                |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 1.4        | Nguyễn Thiện<br>Lương                                    |                                                                                          | Anh                                                                          |                                                                                                          |                                                                                |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 1.5        | Châu Hải My                                              |                                                                                          | Vợ                                                                           |                                                                                                          |                                                                                |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 1.6        | Châu Hoàng Minh<br>Trung                                 |                                                                                          | Ba vợ                                                                        |                                                                                                          |                                                                                |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 1.7        | Nguyễn Thị Huỳnh<br>Mai                                  |                                                                                          | Mẹ vợ                                                                        |                                                                                                          |                                                                                |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 1.8        | Công ty Cổ phần<br>Thương mại Xuất<br>nhập khẩu Biên Hòa |                                                                                          | Tổ chức có liên<br>quan của người<br>nội bộ                                  | 0313733213<br>Ngày cấp: 28/06/2021<br>Nơi cấp: Sở kế hoạch và<br>đầu tư Thành phố Hồ Chí<br>Minh         | 253 Hoàng Văn<br>Thụ, Phường 2,<br>Quận Tân Bình,<br>Thành phố Hồ Chí<br>Minh  |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 1.9        | Công ty TNHH Thực<br>Phẩm Thành Thành<br>Công            |                                                                                          | Tổ chức có liên<br>quan của người<br>nội bộ                                  | 0316662899<br>Ngày cấp: 29/12/2020<br>Nơi cấp: Sở Kế hoạch và<br>Đầu tư Thành phố Hồ<br>Chí Minh         | 253, Hoàng Văn<br>Thụ, Phường 2,<br>Quận Tân Bình,<br>Thành phố Hồ Chí<br>Minh |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 1.10       | Công ty Cổ Phần<br>Cao Su Nước Trong                     |                                                                                          | Tổ chức có liên<br>quan của người<br>nội bộ                                  | 3900441108<br>Ngày cấp: 15/11/2022<br>Nơi cấp: Sở kế hoạch và<br>đầu tư Tây Ninh                         | Tổ 3, Ấp Tân<br>Dung, Xã Tân Hà,<br>Huyện Tân Châu,<br>Tỉnh Tây Ninh           |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 1.11       | Công ty Cổ phần<br>Mía đường Tây<br>Ninh                 |                                                                                          | Tổ chức có liên<br>quan của người<br>nội bộ                                  | 3900243272<br>Ngày cấp: 26/08/2019<br>Nơi cấp: Sở kế hoạch và<br>đầu tư Tây Ninh                         | Số 19 Võ Thị Sáu,<br>Phường 3, Thành<br>phố Tây Ninh,<br>Tỉnh Tây Ninh         |                                                                                           |                                                                                                     |                 |

| STT<br>No.                                                                                       | Họ tên<br>Name           | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán (nếu<br>có)<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu có)<br>Position at the<br>company (if<br>any) | Số CMND /Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport<br>No., date of issue,<br>place of issue | Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu sở<br>hữu cuối kỳ<br>Number of<br>shares owned<br>at the end of the<br>period | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối kỳ<br>Percentage of<br>share ownership<br>at the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 2                                                                                                | Đoàn Vũ Uyên<br>Duyên    |                                                                                          | Phó Tổng giám<br>đốc Thường<br>trực<br>Permanent<br>deputy CEO               |                                                                                                          |                            | 7.414.484                                                                                 | 1,07%                                                                                               |                 |
| Người có liên quan của bà Đoàn Vũ Uyên Duyên/ the affiliated persons of Mrs. Doan Vu Uyen Duyen: |                          |                                                                                          |                                                                              |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 2.1                                                                                              | Đoàn Sung                |                                                                                          | Cha                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 2.2                                                                                              | Võ Thị Hạnh Dung         |                                                                                          | Mẹ                                                                           |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 2.3                                                                                              | Đoàn Vũ Ánh<br>Dương     |                                                                                          | Em                                                                           |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 2.4                                                                                              | Đoàn Vũ Thương<br>Thương |                                                                                          | Chị                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 2.5                                                                                              | Nguyễn Thế Công<br>Minh  |                                                                                          | Chồng                                                                        |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 2.6                                                                                              | Nguyễn Cao Tân           |                                                                                          | Anh rể                                                                       |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 2.7                                                                                              | Phan Quang Minh          |                                                                                          | Em rể                                                                        |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 2.8                                                                                              | Nguyễn Thế Hùng          |                                                                                          | Bố chồng                                                                     |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 2.9                                                                                              | Trần Lan Phương          |                                                                                          | Mẹ chồng                                                                     |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 3                                                                                                | Huỳnh Văn Pháp           |                                                                                          | Phó TGD<br>Khối kinh<br>doanh<br>Deputy CEO<br>Division of<br>Sales          |                                                                                                          |                            | 706.305                                                                                   | 0,102%                                                                                              |                 |
| Người có liên quan của ông Huỳnh Văn Pháp/ the affiliated persons of Mr. Huynh Van Phap          |                          |                                                                                          |                                                                              |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |

| STT<br>No.                                                                                                       | Họ tên<br>Name                    | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán (nếu<br>có)<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu có)<br>Position at the<br>company (if<br>any)                | Số CMND /Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport<br>No., date of issue,<br>place of issue | Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu sở<br>hữu cuối kỳ<br>Number of<br>shares owned<br>at the end of the<br>period | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối kỳ<br>Percentage of<br>share ownership<br>at the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 3.1                                                                                                              | Trần Thị Bích Lệ                  |                                                                                          | Vợ                                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 3.2                                                                                                              | Huỳnh Ngọc Gia<br>Hân             |                                                                                          | Con                                                                                         |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 3.3                                                                                                              | Huỳnh Ngọc Gia<br>Như             |                                                                                          | Con                                                                                         |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 3.4                                                                                                              | Huỳnh Văn Lại                     |                                                                                          | Cha                                                                                         |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 3.5                                                                                                              | Dương Thị Mai                     |                                                                                          | Mẹ                                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 3.6                                                                                                              | Huỳnh Thị Bích<br>Thảo            |                                                                                          | Chị gái                                                                                     |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 3.7                                                                                                              | Huỳnh Thị Bích Nga                |                                                                                          | Chị gái                                                                                     |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 3.8                                                                                                              | Huỳnh Văn                         |                                                                                          | Em trai                                                                                     |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 4                                                                                                                | Lâm Thị Cẩm Lệ                    |                                                                                          | <b>Phó Tổng<br/>Giám đốc khối<br/>Cung ứng<br/>Deputy CEO<br/>Supply Chain<br/>Division</b> |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| Người có liên quan của bà Lâm Thị Cẩm Lệ/ the affiliated persons of Mrs. Lam Thi Cam Le                          |                                   |                                                                                          |                                                                                             |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 4.1                                                                                                              | Lê Hoài Nam                       |                                                                                          | Chồng                                                                                       |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 4.2                                                                                                              | Lê Lâm Hải Nguyệt                 |                                                                                          | Con                                                                                         |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 4.3                                                                                                              | Lê Lâm Minh Khuê                  |                                                                                          | Con                                                                                         |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 4.4                                                                                                              | Lâm Quang Vinh                    |                                                                                          | Cha                                                                                         |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 4.5                                                                                                              | Phạm Thúy Liên                    |                                                                                          | Mẹ                                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| <b>III. Giám đốc tài chính và Người có liên quan của GĐTC/ the affiliated persons of Chief Financial Officer</b> |                                   |                                                                                          |                                                                                             |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 1                                                                                                                | <b>Nguyễn Thị<br/>Phương Thảo</b> |                                                                                          | <b>Giám đốc tài<br/>chính</b>                                                               |                                                                                                          |                            | <b>448.997</b>                                                                            | <b>0,06%</b>                                                                                        |                 |

| STT<br>No.                                                                                              | Họ tên<br>Name     | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán (nếu<br>có)<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu có)<br>Position at the<br>company (if<br>any) | Số CMND /Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport<br>No., date of issue,<br>place of issue | Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu sở<br>hữu cuối kỳ<br>Number of<br>shares owned<br>at the end of the<br>period | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối kỳ<br>Percentage of<br>share ownership<br>at the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|                                                                                                         |                    |                                                                                          | <b>Chief Financial<br/>Officer</b>                                           |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| Người có liên quan của bà Nguyễn Thị Phương Thảo/ the affiliated persons of Mrs Nguyen Thi Phuong Thao: |                    |                                                                                          |                                                                              |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 1.1                                                                                                     | Nguyễn Hữu Đạt     |                                                                                          | Chồng                                                                        |                                                                                                          |                            | 64.200                                                                                    | 0,01%                                                                                               |                 |
| 1.2                                                                                                     | Nguyễn Thị Thúy    |                                                                                          | Mẹ                                                                           |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 1.3                                                                                                     | Nguyễn Kiến Quốc   |                                                                                          | Cha                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 1.4                                                                                                     | Nguyễn Anh Tuấn    |                                                                                          | Em                                                                           |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 1.5                                                                                                     | Nguyễn Văn Phước   |                                                                                          | Ba chồng                                                                     |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 1.6                                                                                                     | Lâm Thị Thạch      |                                                                                          | Mẹ chồng                                                                     |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| <b>IV. Kế toán trưởng và Người có liên quan/ the affiliated persons of Chief accountant</b>             |                    |                                                                                          |                                                                              |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| <b>1</b>                                                                                                | <b>Lê Phát Tín</b> | <b>005C712210</b>                                                                        | <b>Kế toán<br/>trưởng<br/>Chief<br/>Accountant</b>                           |                                                                                                          |                            | <b>384.052</b>                                                                            | <b>0,06%</b>                                                                                        |                 |
| Người có liên quan của ông Lê Phát Tín/ the affiliated persons of Mrs. Le Phat Tin:                     |                    |                                                                                          |                                                                              |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 1.1                                                                                                     | Võ Thị Bích Hạnh   |                                                                                          | Vợ                                                                           |                                                                                                          |                            | 21.946                                                                                    | 0,003%                                                                                              |                 |
| 1.2                                                                                                     | Lê Phát An         |                                                                                          | Cha                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 1.3                                                                                                     | Thái Thị Đa        |                                                                                          | Mẹ                                                                           |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 1.4                                                                                                     | Lê Thị Ngọc Trâm   |                                                                                          | Chị                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 1.5                                                                                                     | Lê Phát Cường      |                                                                                          | Anh                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 1.6                                                                                                     | Lê Phát Ngọc       |                                                                                          | Anh                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 1.7                                                                                                     | Lê Phát Huy        |                                                                                          | Anh                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 1.8                                                                                                     | Đặng Thị Phao      |                                                                                          | Mẹ vợ                                                                        |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 1.9                                                                                                     | Lê Ngọc Tú Quyên   |                                                                                          | Con                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 1.10                                                                                                    | Lê Ngọc Tú My      |                                                                                          | Con                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |

| STT<br>No.                                                                                                                                                         | Họ tên<br>Name                  | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán (nếu<br>có)<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu có)<br>Position at the<br>company (if<br>any) | Số CMND /Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport<br>No., date of issue,<br>place of issue | Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu sở<br>hữu cuối kỳ<br>Number of<br>shares owned<br>at the end of the<br>period | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối kỳ<br>Percentage of<br>share ownership<br>at the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1.11                                                                                                                                                               | Nguyễn Phương<br>Khánh          |                                                                                          | Chị Dâu                                                                      |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 1.12                                                                                                                                                               | Lưu Thị Kim Hiếu                |                                                                                          | Chị Dâu                                                                      |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 1.13                                                                                                                                                               | Lê Hoàng Liêm                   |                                                                                          | Anh Rể                                                                       |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 1.14                                                                                                                                                               | Ca Thị Thanh Bông               |                                                                                          | Chị Dâu                                                                      |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| <b>V. Cá nhân giữ chức danh quản lý khác và Người có liên quan của Cá nhân có giữ chức danh quản lý khác/ the affiliated persons of other management positions</b> |                                 |                                                                                          |                                                                              |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| <b>1</b>                                                                                                                                                           | <b>Đình Vũ Quốc Huy</b>         |                                                                                          | <b>Thư ký Công<br/>ty<br/>Company<br/>Secretary</b>                          |                                                                                                          |                            | <b>342.597</b>                                                                            | <b>0.05%</b>                                                                                        |                 |
| Người có liên quan của ông Đình Vũ Quốc Huy/ the affiliated persons of Mr. Dinh Vu Quoc Huy:                                                                       |                                 |                                                                                          |                                                                              |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 1.1                                                                                                                                                                | Đình Như Khương                 |                                                                                          | Cha ruột                                                                     |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 1.2                                                                                                                                                                | Vũ Thị Liên                     |                                                                                          | Mẹ ruột                                                                      |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 1.3                                                                                                                                                                | Đình Vũ Hoàng                   |                                                                                          | Anh ruột                                                                     |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 1.4                                                                                                                                                                | Nguyễn Thị Lệ                   |                                                                                          | Vợ                                                                           |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 1.5                                                                                                                                                                | Nguyễn Công Như                 |                                                                                          | Bố vợ                                                                        |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 1.6                                                                                                                                                                | Nguyễn Thị Bình                 |                                                                                          | Mẹ vợ                                                                        |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 1.7                                                                                                                                                                | Công ty Cổ phần<br>Nhựa Phú Thọ |                                                                                          | Tổ chức có liên<br>quan của người<br>nội bộ                                  |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| <b>2</b>                                                                                                                                                           | <b>Tăng Kim Tây</b>             |                                                                                          | <b>Giám đốc<br/>chi nhánh<br/>Branch<br/>General<br/>Manager</b>             |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| Người có liên quan của ông Tăng Kim Tây/ the affiliated persons of Mr. Tang Kim Tay:                                                                               |                                 |                                                                                          |                                                                              |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |

| STT<br>No.                                                                                 | Họ tên<br>Name          | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán (nếu<br>có)<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu có)<br>Position at the<br>company (if<br>any) | Số CMND /Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport<br>No., date of issue,<br>place of issue | Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu sở<br>hữu cuối kỳ<br>Number of<br>shares owned<br>at the end of the<br>period | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối kỳ<br>Percentage of<br>share ownership<br>at the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 2.1                                                                                        | Đặng Minh Hương         |                                                                                          | Vợ                                                                           |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 2.2                                                                                        | Tăng Bá Mười            |                                                                                          | Cha                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 2.3                                                                                        | Nguyễn Thị Hoàng        |                                                                                          | Mẹ                                                                           |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 2.4                                                                                        | Tăng Thị Thùy<br>Trang  |                                                                                          | Chị                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 2.5                                                                                        | Tăng Thị Thùy Trâm      |                                                                                          | Chị                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 2.6                                                                                        | Tăng Thị Thương         |                                                                                          | Chị                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 2.7                                                                                        | Tăng Kim Thư            |                                                                                          | Em                                                                           |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 2.8                                                                                        | Tăng Bảo Anh            |                                                                                          | Con                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 2.9                                                                                        | Tăng Nhất Phi           |                                                                                          | Con                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 2.10                                                                                       | Tăng Nhã Uyên           |                                                                                          | Con                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 2.11                                                                                       | Đặng Hậu                |                                                                                          | Ba Vợ                                                                        |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 2.12                                                                                       | Trần Thị Hòa            |                                                                                          | Mẹ Vợ                                                                        |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 2.13                                                                                       | Phạm Văn Đôn            |                                                                                          | Anh Rể                                                                       |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 2.14                                                                                       | Nguyễn Trung Sơn        |                                                                                          | Anh Rể                                                                       |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 2.15                                                                                       | Trần Vĩ Châu            |                                                                                          | Anh Rể                                                                       |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 2.16                                                                                       | Trần Thị Thanh<br>Phụng |                                                                                          | Em Dâu                                                                       |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 3                                                                                          | Trương Văn Toại         |                                                                                          | <b>Giám đốc<br/>chi nhánh<br/>Branch<br/>General<br/>Manager</b>             |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| Người có liên quan của ông Trương Văn Toại/ the affiliated persons of Mr. Trương Văn Toại: |                         |                                                                                          |                                                                              |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 3.1                                                                                        | Trương Văn Bưởi         |                                                                                          | Cha                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |

| STT<br>No. | Họ tên<br>Name          | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán (nếu<br>có)<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu có)<br>Position at the<br>company (if<br>any) | Số CMND /Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport<br>No., date of issue,<br>place of issue | Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu sở<br>hữu cuối kỳ<br>Number of<br>shares owned<br>at the end of the<br>period | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối kỳ<br>Percentage of<br>share ownership<br>at the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note |
|------------|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 3.2        | Lưu Thị Đội             |                                                                                          | Mẹ                                                                           |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 3.3        | Trương Văn Quân         |                                                                                          | Anh                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 3.4        | Trương Văn Khải         |                                                                                          | Anh                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 3.5        | Trương Văn Huân         |                                                                                          | Anh                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 3.6        | Trương Thị Lưu<br>Huyền |                                                                                          | Chị                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 3.7        | Trương Thị Lưu<br>Tuyền |                                                                                          | Chị                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 3.8        | Trương Văn Chí          |                                                                                          | Em                                                                           |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 3.9        | Lưu Thị Hoàng Mai       |                                                                                          | Vợ                                                                           |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 3.10       | Trương Lưu Nhã<br>Uyên  |                                                                                          | Con                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 3.11       | Trương Khả Nhiên        |                                                                                          | Con                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 3.12       | Thành Phú Chung         |                                                                                          | Anh Rể                                                                       |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 3.13       | Đàng Huy Cường          |                                                                                          | Anh Rể                                                                       |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 3.14       | Phú Thị Diệu Hiền       |                                                                                          | Chị Dâu                                                                      |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 3.15       | Trương Thị Xuân<br>Bình |                                                                                          | Chị Dâu                                                                      |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 3.16       | Đàng Thị Ngọc<br>Thạch  |                                                                                          | Chị Dâu                                                                      |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 3.17       | Đàng Thị Đáp            |                                                                                          | Em Dâu                                                                       |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 3.18       | Lưu Cử                  |                                                                                          | Ba Vợ                                                                        |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 3.19       | Thạch Thị Kim<br>Hoàng  |                                                                                          | Mẹ Vợ                                                                        |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| <b>4</b>   | <b>Võ Hồng Tuyền</b>    |                                                                                          | <b>Giám đốc</b>                                                              |                                                                                                          |                            | <b>91.980</b>                                                                             | <b>0,013%</b>                                                                                       |                 |

| STT<br>No.                                                                             | Họ tên<br>Name          | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán (nếu<br>có)<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại<br>công ty<br>(nếu có)<br>Position at the<br>company (if<br>any) | Số CMND /Hộ chiếu,<br>ngày cấp, nơi cấp<br>ID card No./Passport<br>No., date of issue,<br>place of issue | Địa chỉ liên hệ<br>Address | Số cổ phiếu sở<br>hữu cuối kỳ<br>Number of<br>shares owned<br>at the end of the<br>period | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối kỳ<br>Percentage of<br>share ownership<br>at the end of the<br>period | Ghi chú<br>Note |
|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|                                                                                        |                         |                                                                                          | chi nhánh<br>Branch<br>General<br>Manager                                    |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| Người có liên quan của ông Võ Hồng Tuyền/ the affiliated persons of Mr. Vo Hong Tuyen: |                         |                                                                                          |                                                                              |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 4.1                                                                                    | Nguyễn Thị Thủy<br>Tiên |                                                                                          | Vợ                                                                           |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 4.2                                                                                    | Võ Tấn Thành            |                                                                                          | Con                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 4.3                                                                                    | Võ Hồng Phong           |                                                                                          | Cha                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 4.4                                                                                    | Trần Thị Năm            |                                                                                          | Mẹ                                                                           |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 4.5                                                                                    | Võ Hồng Vương           |                                                                                          | Anh                                                                          |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 4.6                                                                                    | Trần Thị Kim Loan       |                                                                                          | Chị dâu                                                                      |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 4.7                                                                                    | Võ Thị Bích Hường       |                                                                                          | Em gái                                                                       |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 4.8                                                                                    | Trần Đức                |                                                                                          | Em rể                                                                        |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 4.9                                                                                    | Võ Thị Bích Phụng       |                                                                                          | Em gái                                                                       |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 4.10                                                                                   | Nguyễn Văn Hiến         |                                                                                          | Cha vợ                                                                       |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |
| 4.11                                                                                   | Tạ Thu Thủy             |                                                                                          | Mẹ vợ                                                                        |                                                                                                          |                            |                                                                                           |                                                                                                     |                 |

**PHỤ LỤC 04/ APPENDIX 04**

**GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY/ TRANSACTIONS OF INTERNAL PERSONS AND AFFILIATED PERSONS WITH SHARES OF THE COMPANY**

| STT<br>No. | Người thực hiện<br>giao dịch<br><i>Transaction executor</i> | Quan hệ với người nội bộ<br><i>Relationship with internal persons</i> | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ<br><i>Number of shares owned at the beginning of the period</i> |                            | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ<br><i>Number of shares owned at the end of the period</i> |                            | Lý do tăng, giảm<br>(mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)<br><i>Reasons for increase, decrease (purchase, sale, switch, reward...)</i> |
|------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                             |                                                                       | Số cổ phiếu<br><i>Number of shares</i>                                                    | Tỷ lệ<br><i>Percentage</i> | Số cổ phiếu<br><i>Number of shares</i>                                               | Tỷ lệ<br><i>Percentage</i> |                                                                                                                                    |
| 1.         | Bà Huỳnh Bích Ngọc                                          | Chủ tịch HĐQT/ <i>Chairwoman of the BOD</i>                           | 69.724.473                                                                                | 10,71%                     | 71.724.473                                                                           | 10,32%                     | Phát sinh mua/<br><i>Register to buy</i>                                                                                           |
| 2.         | Ông Hoàng Mạnh Tiến                                         | Thành viên độc lập HĐQT/<br><i>Independent member of the BOD</i>      | 1.575.000                                                                                 | 0,24%                      | 2.375.000                                                                            | 0,34%                      | Phát sinh mua/<br><i>Register to buy</i>                                                                                           |
| 3.         | Bà Đặng Huỳnh Úc My                                         | Phó Chủ tịch HĐQT/ <i>Vice Chairwoman of the BOD</i>                  | 100.137.492                                                                               | 15,39%                     | 112,147,115                                                                          | 16,14%                     | Phát sinh mua/<br><i>Register to buy</i>                                                                                           |